ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

----------oOo----------

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

GIAI ĐOẠN 2023 – 2030 TRỞ THÀNH TRƯỜNG CHẤT LƯỢNG CAO



Hà Nội - 2023

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU: TÍNH CẤP THIẾT VÀ NHỮNG CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC 3
1. Tính cấp thiết 3
2. Những căn cứ pháp lý 4
PHẦN I: CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 6
CHƯƠNG I: BỐI CẢNH CHUNG VÀ HIỆN TRẠNG NHÀ TRƯỜNG 6
1.1. Thông tin chung về nhà trường 6
1.2. Bối cảnh quốc tế và trong nước 6
1.3. Hiện trạng nhà trường 9
CHƯƠNG II: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 28
1. Mở rộng và đa dạng hoá chương trình đào tạo: 28
2. Nâng cao chất lượng giảng dạy: 28
3. Tạo môi trường học tập hiện đại: 28
5. Xây dựng mối quan hệ cộng đồng và doanh nghiệp: 28
6. Hỗ trợ tư vấn nghề nghiệp: 29
7. Hợp tác và giao lưu quốc tế: 29
8. Đánh giá và kiểm định chất lượng: 29
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, SỨ MỆNH 30
3.1. Mục tiêu đến năm 2030 30
3.2. Sứ mạng của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội 30
CHƯƠNG IV: CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG 31
4.1. Các yếu tố tác động 31
4.2. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức 32
CHƯƠNG V: GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC 36
5.1. Chiến lược phát triển đào tạo 36
5.2. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất 45
5.3. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực 45
5.4. Chiến lược về người học 48
5.5. Chiến lược phát triển khoa học, ứng dụng công nghệ 50
5.6. Chiến lược phát triển về tài chính 53
5.7. Chiến lược phát triển công nghệ thông tin 55
5.8. Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế 56
5.9. Chiến lược Đảm bảo chất lượng 58
PHẦN II: KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2023-2030 60
1. Chiến lược phát triển đào tạo 60
2. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất 63
3. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực 65
4. Chiến lược về người học 70
5. Chiến lược phát triển Khoa học Công nghệ 73
6. Chiến lược phát triển nguồn tài chính và tiền lương 75
7. Chiến lược phát triển Công nghệ thông tin 77
8. Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế 79
9. Chiến lược đảm bảo chất lượng 81
PHẦN III: KINH PHÍ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC 83
PHẦN IV: GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ RỦI RO 85
PHẦN V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC 86
KẾT LUẬN 88

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI
GIAI ĐOẠN 2023 – 2030 TRỞ THÀNH TRƯỜNG CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CĐĐTĐL ngày ...../...../2023)

MỞ ĐẦU
TÍNH CẤP THIẾT VÀ NHỮNG CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Tính cấp thiết

Đất nước ta đã và đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng và toàn diện với các nước trong khu vực và trên thế giới, tạo ra nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng đặt ra nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt là chất lượng nguồn nhân lực. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: *"Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là chất lượng cao, trọng tâm là hiện đại hóa giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng" và "thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức mạnh cạnh tranh"*. Cùng với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hơn lúc nào hết công tác đào tạo nghề cần phải nỗ lực hơn nữa nhằm xây dựng được đội ngũ lao động lành nghề, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế, đặc biệt là đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Trong những năm qua công tác đào tạo nghề đã có nhiều giải pháp và hình thức tổ chức phù hợp, tạo chuyển biến tích cực, quy mô và mạng lưới đào tạo nghề phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng.

Nâng cao chất lượng đào tạo nghề của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới. Một nhà trường muốn tồn tại, phát triển lớn mạnh, bền vững và duy trì được lợi thế cạnh tranh của mình trong xu thế hội nhập, thì không thể thiếu việc xác định rõ sứ mạng và mục tiêu chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn. Đối với Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ cao, phục vụ cho sự nghiệp phát triển

kinh tế - xã hội của đất nước. Việc xác định mục tiêu và đề ra giải pháp phát triển nhà trường trong thời gian tới là hết sức cần thiết và quan trọng, tạo cơ sở khoa học cho thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường đi đúng hướng và đảm bảo phát triển phù hợp với thực tiễn đất nước, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Do đó, việc xây dựng *"**Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội giai đoạn 2023 – 2030 trở thành trường chất lượng cao**"* là hết sức cần thiết và cấp bách, đó là căn cứ, là cơ sở để nhà trường và các tổ chức có liên quan triển khai thực hiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô và đất nước.

2. Những căn cứ pháp lý

2.1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ban hành ngày 25 tháng 10 năm 2017 về *"Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập"*.

- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị về *"Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"*.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020 - 2025 ngày 13 tháng 10 năm 2020.

- Chương trình 06-CTr/TU của Thành ủy ngày 17/3/2021 về *"Phát triển văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh giai đoạn 2021 – 2026"*.

- Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội ngày 20 tháng 9 năm 2021 về *"Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 của thành phố Hà Nội"*.

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về *"Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025"*.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội lần thứ III nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội lần XXII nhiệm kỳ 2020 - 2025.

2.2. Cơ sở pháp lý

- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.

- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về *"Đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới"*.

- Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về *"Cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập"*.

- Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về *"Sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp"*.

- Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ Tướng Chính phủ về *"Phê duyệt Chiến lược phát triển Giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045"*

- Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về *"Điều lệ trường cao đẳng"*.

- Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc *"Phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng tới năm 2030";*

- Kế hoạch 177/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND Thành phố Hà Nội 2022 về *"Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp Thành phố Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2045"*.

PHẦN I: CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
CHƯƠNG I: BỐI CẢNH CHUNG VÀ HIỆN TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

1.1. Thông tin chung về nhà trường

- Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội
- Tên giao dịch quốc tế bằng Tiếng Anh: HaNoi College of Electronics and Refrigeration (CER)
- Thuộc: Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ: Số 10 đường Nguyễn Văn Huyên, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: 0243.7673896 Fax: 0243.8336184
- Website:www.dtdl.edu.vn Email: vanthu@dtdl.edu.vn
- Trường gồm 11 đơn vị (06 phòng chức năng, 05 khoa chuyên môn)
- Tổng số số cán bộ, viên chức, lao động**:** 88 người. Trình độ đội ngũ: Tiến sĩ: 02, Thạc sĩ: 51 người, Đại học: 28 người, cao đẳng: 5, khác: 2 người.

1.2. Bối cảnh quốc tế và trong nước

1.2.1. Bối cảnh quốc tế

- *Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư ngày càng sâu rộng, đòi hỏi phải thay đổi tư duy và hành động để thích ứng linh hoạt:* Nước ta tiếp tục phát triển nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế sâu rộng. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục hoàn thiện, ngày càng trở nên đồng bộ, bao gồm cả thị trường sức lao động. Hiện nay, Việt Nam là thành viên của 63 tổ chức quốc tế và có quan hệ với hơn 500 tổ chức phi chính phủ trên thế giới, trong đó có các tổ chức lớn như Liên hợp quốc, APEC, ASEM, WTO, UNESCO,... mở ra cơ hội phát triển kinh tế, hội nhập với quốc tế về giáo dục - đào tạo, nhưng cũng đồng thời tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt giữa các quốc gia về nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong công việc. Các Nghị quyết của Đảng, định hướng của Nhà nước về đổi mới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tự chủ là cơ hội để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phát huy tính năng động, sáng tạo, tự chủ trong hoạt động, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội. Chất lượng đào tạo trở thành giá trị cốt lõi, quyết định sự tồn tại và phát triển của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 làm thay đổi mạnh mẽ nội

dung, phương pháp đào tạo trong các nhà trường. Giáo dục và khoa học – công nghệ đã dần trở thành những lực lượng trực tiếp có tác động đến tất cả các lĩnh vực, làm biến đổi nhanh chóng và sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Để đáp ứng yêu cầu của xu thế, Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, trong Chỉ thị đã nêu rõ Hệ thống giáo dục nghề nghiệp có nhiệm vụ: *"Đổi mới đào tạo, dạy nghề trong hệ thống các trường đào tạo nghề theo hướng phát triển nguồn nhân lực, chuyển đổi nghề nghiệp có kỹ năng phù hợp có thể tiếp thu, làm chủ, khai thác và vận hành hiệu quả, những tiến bộ công nghệ của Cách mạng công nghiệp thứ 4..."*. Việc đào tạo kỹ năng nghề cho người học và người lao động đáp ứng yêu cầu cho phát triển là hết sức cần thiết và là nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên cả nước trong đó có Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội.

- *Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp:* Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang là xu thế khách quan, lôi cuốn các nước, bao trùm hầu hết các lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, vừa thúc đẩy hợp tác, vừa tăng sức ép cạnh tranh và tính tùy thuộc lẫn nhau giữa nhiều quốc gia. Giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam cần có sự thay đổi để thích ứng với những biến đổi như vũ bão của khoa học công nghệ mới và sự toàn cầu hóa... Trong khi đó, quá trình xã hội hóa giáo dục gắn với toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục đã làm cho chức năng của giáo dục có sự thay đổi, được nâng lên một bước trong tương quan với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Đó là chức năng kinh tế, đầu tư, tạo lập giá trị mới và kết nối xã hội, cạnh tranh quốc tế… Giáo dục không còn chỉ thuần túy là đào tạo nhân lực và phúc lợi xã hội. Sự giao thoa, đối thoại, hợp tác, cạnh tranh giữa các nền giáo dục làm cho nền giáo dục của mỗi nước vừa có giá trị dân tộc, vừa có giá trị quốc tế - nhân loại. Nắm chắc, phát huy những giá trị của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc các giá trị quốc tế để hội nhập có hiệu quả là hướng đi cần chú trọng. Bên cạnh đó, đẩy mạnh hợp tác quốc tế sẽ giúp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phát triển hướng tới nâng chuẩn chất lượng, kiểm định chất lượng theo AUN; trao đổi học thuật; xây dựng các chương trình đào tạo liên kết, các chương trình đạt chuẩn quốc tế.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là cơ hội, là xu thế tất yếu đối với giáo dục nghề nghiệp và tác động trực tiếp đến con người. Bên cạnh đó, toàn cầu hóa cũng đặt ra những thách thức cho mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp là hiện tượng thương

mại hóa giáo dục, suy giảm các giá trị truyền thống cùng sự thay đổi nhanh chóng các nghề nghiệp, lĩnh vực trong tương lai. Những gián đoạn do đại dịch COVID-19 gây ra đã ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực và giáo dục nghề nghiệp phải đối mặt với nhiều thách thức hơn. Các trường cao đẳng ở Việt Nam thật sự gặp khó khăn khi triển khai những chương trình đào tạo từ xa có chất lượng, do thiếu những chuyên gia có kinh nghiệm và thiếu nguồn lực. Đại dịch đã làm bộc lộ mức độ sâu sắc của sự phân chia công nghệ số và những bất bình đẳng kinh tế xã hội, khiến càng tăng thêm khoảng cách rõ rệt giữa các quốc gia, giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giữa các sinh viên.

1.2.2. Bối cảnh trong nước

- *Nước ta tiếp tục quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá* nhằm thay thế hoàn toàn nền sản xuất thủ công bằng nền sản xuất dựa trên cơ khí và cơ điện tử, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng cường công nghiệp và dịch vụ. Tăng GDP/người một cách ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Việc chủ động tích cực hội nhập quốc tế và gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) tạo thêm nhiều thuận lợi cho quá trình phát triển KT-XH của đất nước;

- *Nước ta tiếp tục phát triển nền kinh tế thị trường.* Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục hoàn thiện, ngày càng trở nên đồng bộ, bao gồm thị trường sức lao động. Sự đóng góp của giáo dục - đào tạo vào việc gia tăng giá trị sức lao động sẽ được thị trường đánh giá ngày càng chính xác và thừa nhận rộng rãi.

- *Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội:* Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước với hơn 1000 năm lịch sử phát triển. Sau hơn 35 năm đổi mới, Thủ đô Hà Nội đã có bước phát triển toàn diện. Kinh tế tăng trưởng liên tục đạt mức cao so với bình quân chung của cả nước. Vai trò của Hà Nội trong vùng kinh tế trọng điểm của Bắc bộ và trong nền kinh tế quốc dân ngày một nâng cao. Hà Nội đã xây dựng mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn phát triển Thủ đô đến năm 2045, cụ thể:

Mục tiêu đến năm 2030:

- Thủ đô Hà Nội là Thành phố *"Văn hiến - Văn minh - Hiện đại"*; trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế

trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực.

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2025 cao hơn mức tăng bình quân chung của cả nước; GRDP giai đoạn 2026 - 2030 tăng 8,0 - 8,5%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt 12.000 - 13.000 USD.

Tầm nhìn đến năm 2045: Thủ đô Hà Nội là thành phố kết nối toàn cầu, có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, với GRDP/người đạt trên 36.000 USD; kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hoà; tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới. Hà Nội nhấn mạnh một trong những khâu đột phá để thực hiện được mục tiêu trên, đó là: Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, nhân lực sáng tạo, nhân lực quản trị xã hội, quản trị kinh tế…; xây dựng cơ chế phù hợp để phát triển hệ sinh thái học tập sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội. Phát huy các giá trị văn hóa ngàn năm văn hiến, anh hùng, vì hòa bình, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh và phát triển toàn diện; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, tự lực, tự cường, niềm tin, ý chí và khát vọng vươn lên; đề cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật. Đưa văn hóa và con người Hà Nội thực sự trở thành giá trị tinh thần to lớn, nguồn lực quan trọng quyết định phát triển Thủ đô.

Bên cạnh đó, hiện nay trên địa bàn thành phố Hà Nội có 12 trường đại học, cao đẳng do UBND thành phố Hà Nội trực tiếp quản lý gồm 01 trường đại học (trường ĐH Thủ đô Hà Nội) và 11 trường cao đẳng. Đây cũng là cơ hội tốt để Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội nhận được sự quan tâm và đầu tư của UBND thành phố Hà Nội nhưng đồng thời cũng là thách thức rất lớn khi phải cạnh tranh rất gay gắt với các trường cao đẳng khác trên địa bàn thành phố.

1.3. Hiện trạng nhà trường

1.3.1. Khái quát chung

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và

nghiên cứu thực nghiệm khoa học nhằm cung cấp một cơ cấu lao động đồng bộ cho ngành công nghiệp với trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp thuộc hệ thống giáo dục của Việt Nam. Trường được nâng cấp trên cơ sở của Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh Hà Nội theo QĐ số 5194/QĐ-BGDĐT ngày 19/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quá trình hình thành và phát triển của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội theo thứ tự thời gian như sau:

- Trường Trung sơ cấp Thuỷ lợi Hà Nội (theo Quyết định số 6604/QĐ-VF ngày 24/12/1965 của UBHC Thành phố Hà Nội);

- Trường Trung học Thuỷ lợi Hà Nội (theo Quyết định số 649/QĐ-TC ngày 10/7/1974 của UBND Thành phố Hà Nội);

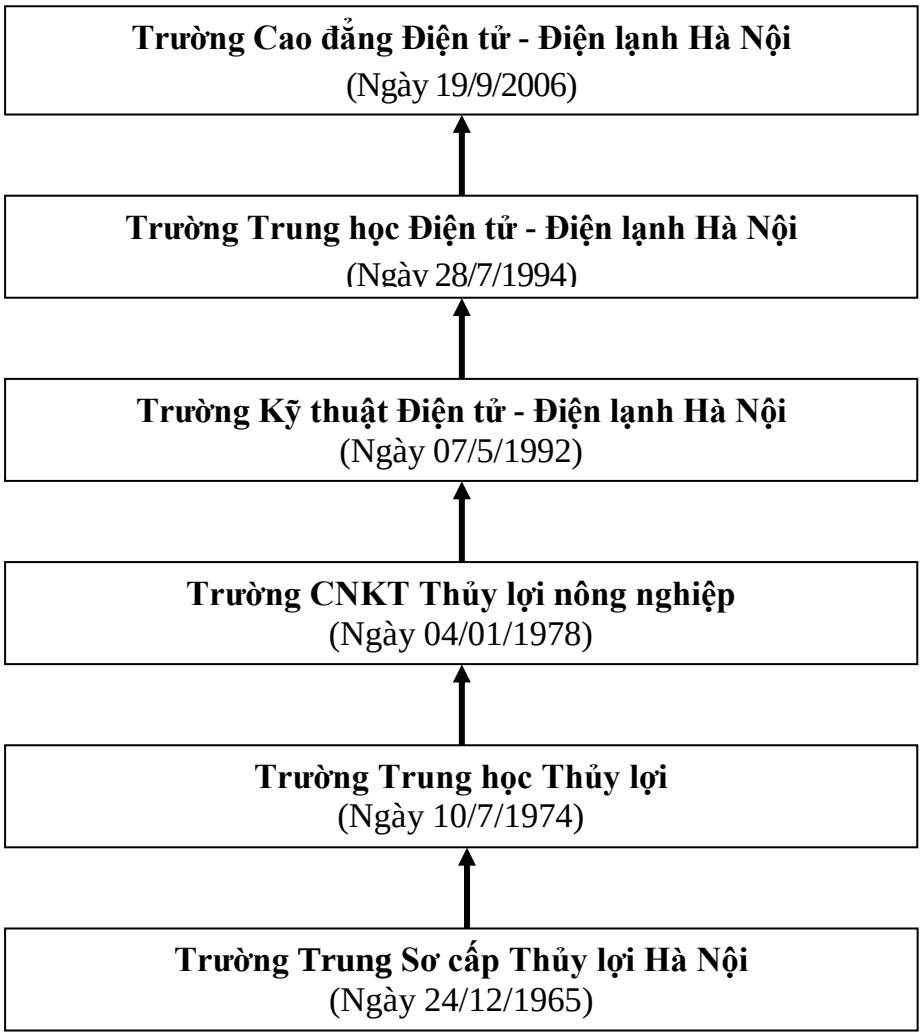
- Trường CNKT Thuỷ lợi nông nghiệp (theo Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 04/01/1978 của UBND Thành phố Hà Nội);

- Trường Kỹ thuật Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (theo Quyết định số 949 QĐ-UB ngày 07/5/1992 của UBND Thành phố Hà Nội);

- Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh Hà Nội (theo Quyết định số 1498QĐ-UB ngày 28/7/1994 của UBND Thành phố Hà Nội);

- Thành lập Trường Cao đẳng Điện tử-Điện lạnh Hà Nội trên cơ sở Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh Hà Nội theo Quyết định số 5194/QĐ-BGD ĐT ngày 19/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

SƠ ĐỒ QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI



1.3.2. Hiện trạng về cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức bộ máy hiện tại theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội, gồm:

1. Hội đồng trường.
2. Ban giám hiệu: Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng.
3. Các phòng chuyên môn, trung tâm:

+ Phòng Quản lý đào tạo
+ Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng
+ Phòng Tổ chức - Hành chính
+ Phòng Quản trị
+ Phòng Tài chính - Kế toán
+ Phòng Tuyển sinh và Truyền thông

4. Các khoa trực thuộc trường:

+ Khoa Điện – Tự động hóa

+ Khoa Điện tử - Viễn thông

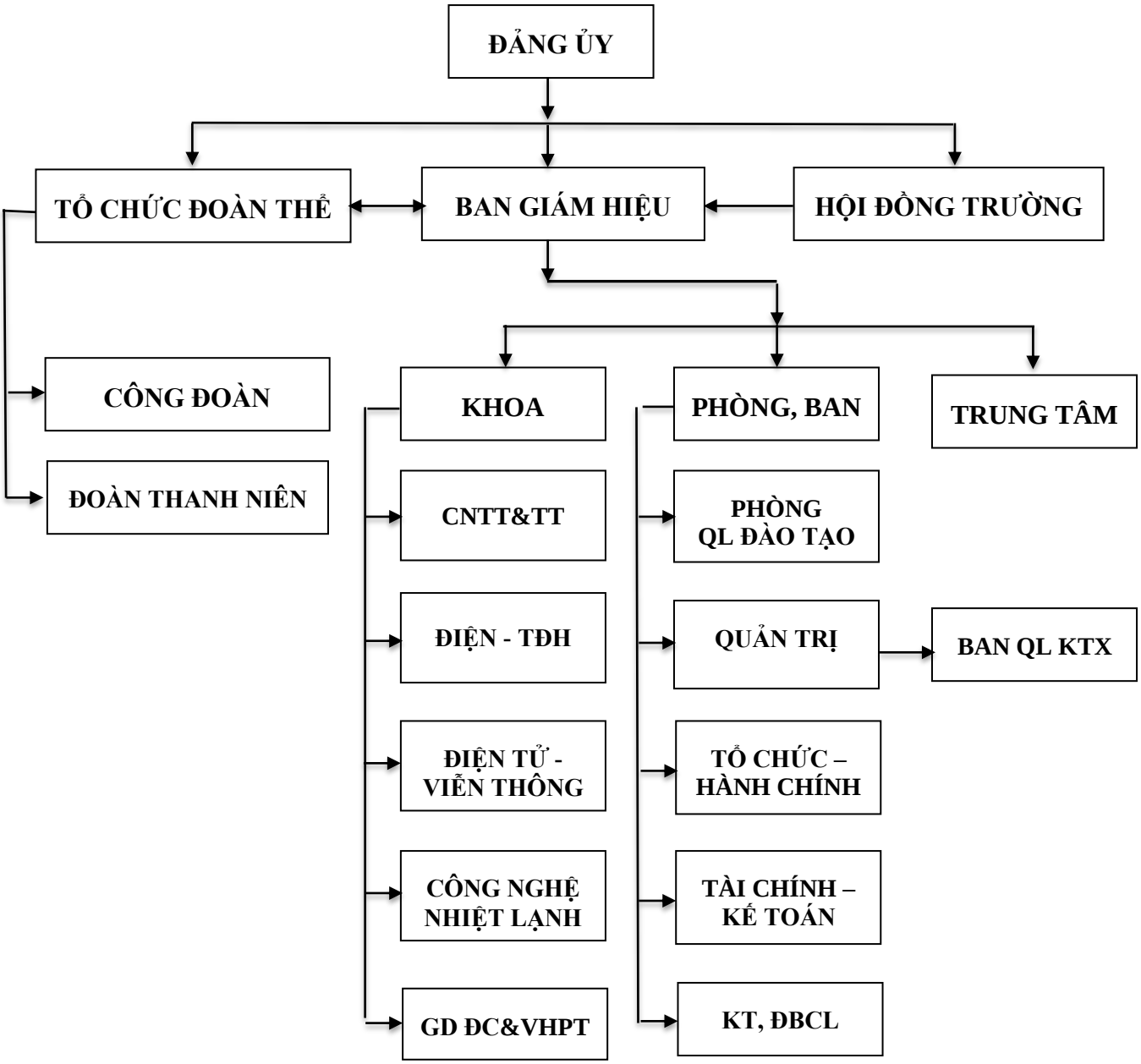
+ Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông

+ Khoa Công nghệ nhiệt lạnh

+ Khoa Giáo dục đại cương và Văn hóa phổ thông

Cơ cấu tổ chức của Trường hiện nay được mô tả trên sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI



1.3.3. Hiện trạng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên

- Tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên 85 người, trong đó:

+ Biên chế: 76 người

+ Hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên): 9 người

- Đội ngũ giảng viên, GV cơ hữu: 61 người (31 nam và 30 nữ), trong đó Tiến sĩ: 02 người chiếm 3,3%; Thạc sĩ 43 người chiếm 70,5%; Đại học 15 người chiếm 24,6%; Cao đẳng 01 người chiếm 1,6%. Đa số GV ở độ tuổi từ 30-40.

+ Trình độ ngoại ngữ, tin học của giảng viên:

Trình độ	Thạc sĩ	Đại học	Trình độ B1	Trình độ khác
Ngoại ngữ		10	11	40
Tin học	09	03		49

+ Thâm niên giảng dạy của giảng viên:

Tổng số	Dưới 5 năm	Từ 5 đến 10 năm	Từ 11 đến 20 năm	Trên 20 năm
61	7	4	44	6

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội không ngừng chăm lo xây dựng đội ngũ vững mạnh về mọi mặt, để mỗi CB, GV, NV thành một tấm gương sáng về nhân cách cho học sinh noi theo. Để làm được điều trên Trường đã thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, cử GV đi học cao cấp, trung cấp lý luận chính trị và đào tạo sau đại học;

- Quán triệt trong toàn thể CBGVNV Chỉ thị 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư "về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045";

- Xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng Đảng viên, CBGVNV tham gia học tập bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ theo kế hoạch của ngành, chủ động tạo điều kiện cho CBGVNV nâng cao trình độ sau đại học hoặc học thêm một chuyên ngành đại học khác;

- Phổ cập ngoại ngữ, tin học trong GV. Hiện nay hầu hết các GV đều biết ngoại ngữ và sử dụng máy tính thành thạo, phát động phong trào CBGVNV tham gia học tập nâng cao kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ.

Hằng năm nhà trường chọn cử, khuyến khích cán bộ, giảng viên đi học bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn, từng bước chuẩn hoá đội ngũ cán bộ - giảng viên. Kết quả hiện nay, đã có 32/45 GV chuyên môn có trình độ thạc sĩ, đạt 71%; GV có trình độ sau đại học 13/45 đạt 29%, ngoài ra còn một số GV đang tiếp tục theo học sau đại học.

Các đảng viên được cử theo học các lớp bồi dưỡng cao cấp và trung cấp lý luận chính trị, các lớp quản lý nhà nước theo các chương trình Chuyên viên và Chuyên viên chính.

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện tuyển mới viên chức, lao động, giảng viên cho các đơn vị có nhu cầu.

1.3.4. Hiện trạng về quy mô và tổ chức hoạt động đào tạo

Về ngành, nghề đào tạo

Theo Quyết định số 5194/QĐ-BGDĐT ngày 19/9/2006, Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn gồm các ngành nghề chủ yếu như: điện công nghiệp, tin học, điện tử, viễn thông, điện lạnh. Trường còn có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội phục vụ Thủ đô Hà Nội và các tỉnh thành trong cả nước.

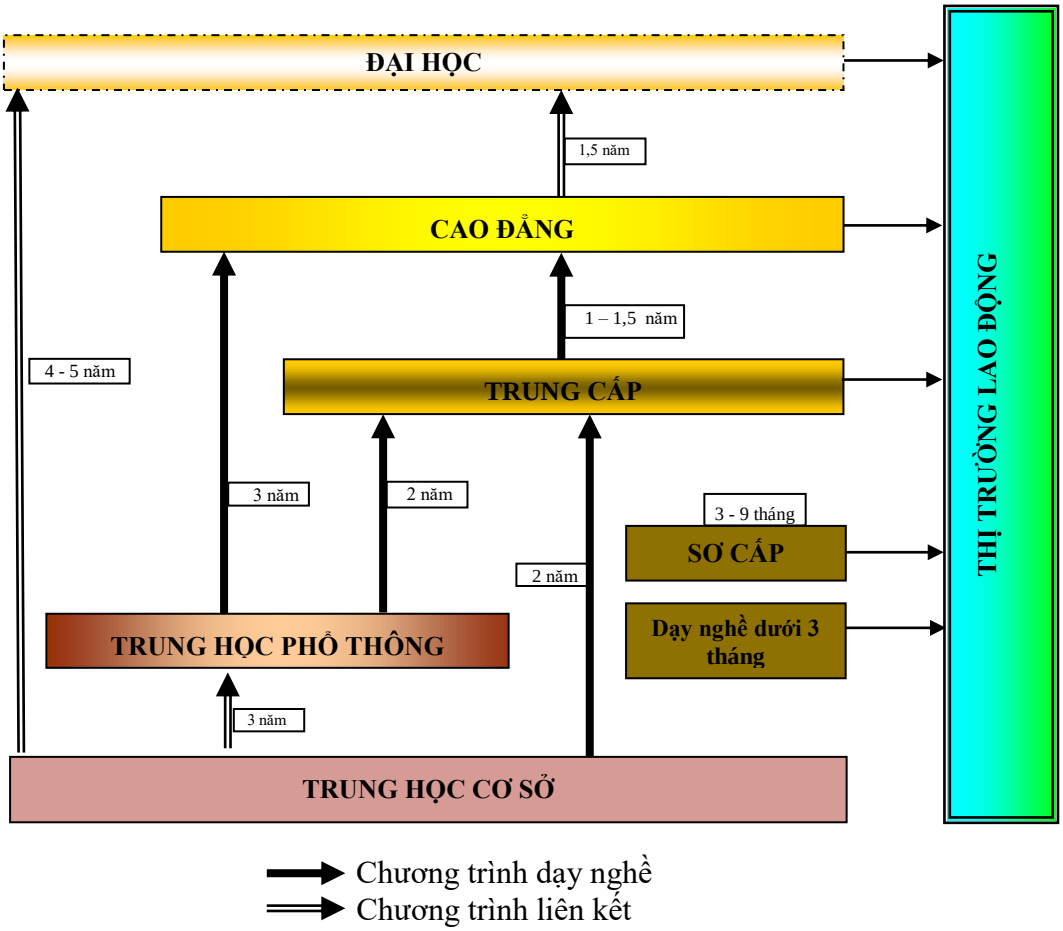
Hiện Trường đang tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp với 23 ngành, nghề sau:

STT	**Tên nghề**	**Trình độ**	**Khoa**
1	Công nghệ thông tin	Cao đẳng Trung cấp	Công nghệ thông tin
2	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	
3	Thiết kế đồ họa	Trung cấp	
4	Thiết kế trang web	Trung cấp	
5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Trung cấp	Điện tử - Viễn thông
6	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	Cao đẳng	
7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng	
8	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	
9	Điện tử dân dụng	Sơ cấp	

10	Điện công nghiệp	Cao đẳng Trung cấp Sơ cấp	Điện – Tự động hóa
11	Tự động hóa công nghiệp	Cao đẳng	
12	Điện dân dụng	Sơ cấp	
13	Điện – Nước	Sơ cấp	
14	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Cao đẳng Trung cấp	Công nghệ nhiệt lạnh
15	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng	
16	Điện lạnh	Sơ cấp	
17	Hàn	Sơ cấp	
18	Công nghệ ô tô	Sơ cấp	
19	Tiếng Đức	Sơ cấp	Giáo dục đại cương
20	Tiếng Anh	Sơ cấp	
21	Trang điểm thẩm mỹ	Sơ cấp	
22	Vẽ móng nghệ thuật	Sơ cấp	
23	Chăm sóc da	Sơ cấp	

Ngoài ra, trường còn đào tạo nhiều nghề ngắn hạn thuộc các lĩnh vực: điện, điện tử, điện lạnh, cơ khí, công nghệ thông tin, ngôn ngữ, kỹ thuật hàng không… phục vụ nhu cầu đào tạo nâng cao tay nghề và phục vụ xuất khẩu lao động. Các ngành nghề trên đều là các nghề có nhu cầu sử dụng lao động cao trên địa bàn Thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận.

Sơ đồ Hệ thống đào tạo
Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội



Về công tác tuyển sinh

Trong nhiều năm qua, nhà trường luôn đầu tư cho hoạt động tuyển sinh. Hàng năm, ngoài tuyển sinh các hệ trung cấp, cao đẳng, Nhà trường tổ chức tuyển sinh và đào tạo hàng trăm lượt người học các khoá ngắn hạn theo đặt hàng của các, doanh nghiệp, lao động xuất khẩu…

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TUYỂN SINH GIAI ĐOẠN 2018 - 2023

STT	Trình độ đào tạo và tên nghề	Năm học				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
I	**Cao đẳng**	**396**	**278**	**427**	**383**	**347**
1	CNKT Điện, Điện tử	62	59	72	98	79
2	CNKT Cơ Điện tử	14	0	18	21	16
3	Điện tử công nghiệp	4	0	7	0	0
4	CNKT Điện tử, truyền thông	16	12	11	0	0
5	Điện công nghiệp	22	0	43	61	32
6	Tự động hóa công nghiệp	30	27	34	25	16
7	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	215	160	188	129	138
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	0	0	20	0	0
9	Công nghệ thông tin	33	20	34	49	47
II	**Trung cấp**	**67**	**94**	**109**	**115**	**100**
1	CNKT Điện, điện tử	0	0	36	32	17
2	Điện công nghiệp	14	12	17	17	13
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	53	60	19	0	0
4	Công nghệ thông tin	0	22	19	49	51
5	Thiết kế đồ họa	0	0	18	17	19
III	**Sơ cấp, dạy nghề dưới 3 tháng**	**60**	**162**	**330**	**154**	**134**
		60	162	330	154	134
	Tổng số HS-SV	**523**	**534**	**866**	**652**	**581**

Với phương châm "Tri thức - Thành thạo - Tử tế", nhà trường luôn xác định lấy chất lượng và ý thức, nhân cách nghề nghiệp là kim chỉ nam cho mọi hoạt động đào tạo của trường. Chương trình đào tạo được thiết kế trên 70% thời lượng dành cho thực hành. Trong quá trình học tập, sinh viên có 2 kỳ được thực tập trải nghiệm kết hợp sản xuất tại những doanh nghiệp lớn, có uy tín như : Tập đoàn Lotte Việt Nam, Công ty TNHH Sam Sung Việt Nam, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Tân Hải Anh, Công ty TNHH LG DISPLAY Việt Nam Hải Phòng, Công ty TNHH Hạ tầng viễn thông Miền Bắc, Công ty cổ phần Viễn thông FPT, Công ty cổ phần phát triển nghề nghiệp tuổi trẻ

Việt, Công ty cổ phần công nghệ Plasma, Công ty cổ phần giải pháp tự động hoá ETEk, Công ty cổ phần tự động hóa Tân Phát… Do vậy, trong nhiều năm qua sinh viên của trường luôn được các doanh nghiệp đánh giá cao và chào đón từ học kỳ cuối khóa học hoặc ngay sau khi tốt nghiệp với mức lương từ 8 đến 20 triệu đồng/tháng. Nhiều em đã thành công trong khởi nghiệp, làm chủ doanh nghiệp hoặc có vị trí vững vàng trong đơn vị công tác, tạo nhiều cơ hội việc làm cho các sinh viên khóa sau.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC SINH, SINH VIÊN TỐT NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2018 - 2023

STT	Trình độ đào tạo và tên nghề	Năm học				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
I	**Cao đẳng**	**244**	**230**	**283**	**188**	**274**
1	CNKT Điện, Điện tử	79	71	34	39	49
2	CNKT Cơ Điện tử	12		11		15
3	Điện tử công nghiệp			2		7
4	CNKT Điện tử, truyền thông	8		8	9	7
5	Điện công nghiệp		11	15		26
6	Tự động hóa công nghiệp	14	19	18	12	15
7	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	114	119	174	112	127
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí					9
9	Công nghệ thông tin	17	10	21	16	19
II	**Trung cấp**	**236**	**146**	**161**	**79**	**68**
1	CNKT Điện, điện tử	0	0	36	32	17
2	Điện công nghiệp	44	2	7	8	13
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	94	43	86	23	13
4	Công nghệ thông tin	98	101	32	16	10
5	Thiết kế đồ họa					15
III	**Sơ cấp, dạy nghề dưới 3 tháng**	**60**	**162**	**330**	**154**	**134**
	Tổng số HS-SV	**540**	**538**	**774**	**421**	**476**

Từ khi chuyển sang hệ thống GDNN vào năm 2017, nhà trường đã nhanh chóng hòa nhập và bắt kịp hoạt động đào tạo chung của cả hệ thống. Đã thực hiện biên soạn, chỉnh lý hàng trăm chương trình đào tạo các hệ. Xây dựng mới, trình Tổng cục GDNN phê duyệt đào tạo nhiều ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật là thế mạnh của trường.

Giảng viên và sinh viên của trường tham gia tích cực các hội thi giáo viên GDNN giỏi, thi tay nghề, thi robocon, thi kỹ năng nghề trong HSSV, thi thiết kế

các mô hình học cụ phục vụ giảng dạy. Nhiều giảng viên và HSSV của trường đã đạt giải cao trong các hội thi cấp thành phố và toàn quốc, khẳng định vị thế và chất lượng đào tạo của trường với toàn xã hội.

1.3.5. Hiện trạng về cơ sở vật chất

Tổng diện tích đất được giao: 8569 m2

Tổng diện tích đất được sử dụng: 8569 m2

Diện tích sàn xây dựng: 8.662,65, trong đó:

- Phòng học lý thuyết: 806,4 m2
- Phòng học chuyên môn, thực hành, thí nghiệm: 2.258,25 m2
- Thư viện: 100 m2
- Ký túc xá: 3000 m2
- Sân thể thao: 625 m2
- Phòng làm việc: 747 m2
- Căng tin: 100 m2
- Hội trường: 150 m2
- Nhà để xe: 751 m2
- Diện tích sử dụng chung: 125 m2

Khuôn viên nhà trường có các công trình được chỉnh trang tu sửa hằng năm, đảm bảo môi trường sư phạm xanh sạch đẹp.

Để phục vụ công tác chuyên môn, Nhà trường đã xây dựng các phòng học chuyên môn hoá với các thiết bị dạy học như Multimedia, máy chiếu, phần mềm dạy học… Các máy móc thiết bị thực hành được các nhà giáo tự chế tạo thiết kế mô hình dạy học hoặc mua sắm, bổ sung theo kế hoạch hằng năm của phòng, khoa. Các thiết bị đào tạo đạt mức tương đương công nghệ tiên tiến áp dụng tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. Trong nhiều năm nhà trường đã cố gắng đầu tư mua sắm trang thiết bị, phục vụ cho giảng dạy học tập, thí nghiệm và thực hành của học sinh. Từ năm 2020 đến nay, mỗi năm Trường được UBND Thành phố Hà Nội đầu tư gần 1,5 tỷ đồng theo chương trình mục tiêu "Tăng cường năng lực đào tạo nghề", tạo điều kiện cho nhà trường được bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ các ngành: Điện tử công nghiệp, Điện công nghiệp, CNKT Điện điện tử, Công nghệ thông tin. Kinh phí nhà trường đầu tư cho mua sắm trang thiết bị, phương tiện dạy học hằng năm từ 2-2,3 tỷ đồng.

Khu vực thực hành bảo đảm đủ điều kiện theo quy định hiện hành về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đào tạo; được sắp xếp theo 3 cấp độ: bảo đảm đào tạo các kỹ năng cơ bản, đào tạo các kỹ năng chuyên sâu và ứng dụng các kỹ năng đã học vào điều kiện làm việc thực tế. Hiện nay nhà trường đã có hệ thống các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực hành được trang bị khá hiện đại và thời gian tới sẽ tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung.

- *Khoa Giáo dục đại cương và VHPT:* Phòng thí nghiệm Lý - Hoá; Kho thiết bị dụng cụ Giáo dục thể chất.

- *Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông:* 04 phòng máy vi tính được nối mạng phục vụ việc giảng dạy và học tập: lập trình và ứng dụng phần mềm với tổng số 101 máy tính; 02 phòng thực hành bảo trì máy tính (nối mạng) với tổng số 53 máy; 01 phòng học Internet; 01 phòng học truyền thông đa phương tiện (ứng dụng công nghệ Winschool-42 máy); năm 2019 được đầu tư hơn 3,3 tỷ đồng và năm 2023 đầu tư 3.5 tỷ đồng phục vụ mua sắm thiết bị.

- *Khoa Công nghệ nhiệt lạnh:* Phòng thực hành điều hòa trung tâm; phòng thực hành kỹ thuật điều hòa dân dụng, phòng thực hành máy lạnh dân dụng, phòng thực hạnh lạnh công nghệ mới, phòng thực hành lạnh công nghiệp; xưởng thực hành cơ khí, xưởng hàn công nghệ cao, xưởng thực hành lạnh công nghiệp. Năm 2018 đầu tư 2,8 tỷ và năm 2020 đầu tư 74 triệu đồng phục vụ mua sắm thiết bị. Ngoài ra hằng năm còn nhận được sự tài trợ trang thiết bị giảng dạy từ Công ty Daikin, Cục biến đổi khí hậu...

- *Khoa Điện tử viễn thông:* Phòng thực hành điện tử cơ bản; phòng thực hành kỹ thuật truyền dẫn; phòng thực hành thiết bị đầu cuối; phòng thực hành kỹ thuật chuyển mạch, phòng thực hành kỹ thuật số; Phòng thực hành vi xử lý; phòng thực hành điện tử công suất. Các phòng thực hành của Khoa đã được trang bị từ chương trình mục tiêu của Thành phố và Dự án "Tăng cường năng lực đào tạo nghề" của UBND Thành phố Hà Nội vào năm 2002; năm 2022 được đầu từ bổ sung thiết bị chuyên ngành hơn 3,6 tỷ đồng theo nguồn ngân sách thành phố.

- *Khoa Điện-tự động hoá:* Phòng thực hành điện công nghiệp; Phòng thực hành điện dân dụng, Phòng thực hành điện cơ bản, phòng thực hành PLC. Các phòng thực hành được trang bị đầy đủ thiết bị giảng dạy, đặc biệt trang thiết bị cho phòng thực hành điện công nghiệp được hỗ trợ từ Dự án "Tăng cường năng lực đào tạo nghề" của UBND Thành phố Hà Nội; năm 2019 đầu tư trên 8 tỷ đồng mua sắm trang thiết bị đào tạo.

Hệ thống các xưởng thực tập trên đã đáp ứng khá tốt cho việc thực hành của HSSV trong trường, kết hợp giữa thực tập với lao động sản xuất ra sản phẩm có hiệu quả, đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, đào tạo ngắn hạn, thường xuyên. Ngoài ra nhà trường còn quan hệ với gần 90 công ty, đơn vị sản xuất để đưa học sinh sinh viên đi thực tập và học tập thực tế.

Hiện tại CSVC nhà trường cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo, tuy nhiên để đảm bảo chất lượng đào tạo ở bậc cao đẳng kỹ thuật ngang tầm với các nước trong khu vực, nhà trường cần tiếp tục tăng cường đầu tư trang thiết bị, nhà xưởng, nhà đa năng, phần mềm quản lý đào tạo và thực hiện chuyên môn nghiệp vụ quản lý khác…

1.3.6. Hiện trạng về hoạt động tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nguồn thu	Năm				
		2018	**2019**	**2020**	**2021**	**2022**
1	Thu từ ngân sách	18.306	28.709	10.934	3.917	8.426
	Thường xuyên	12.696	10.332	7.976	3.199	1.955
	Không thường xuyên	5.610	18.377	2.958	717.6	6.471
2	Thu sự nghiệp	6.811	6.593	6.539	5.877	8.750
3	Thu dịch vụ	1.492	2.700	2.312	2.092	1.492
Tổng thu		**26.609**	**38.002**	**19.775**	**11.886**	**18.668**
Tổng chi		**18.040**	**31.696**	**14.754**	**11.487**	**12.608**

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập có thu trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội, do vậy, công tác tài chính của Nhà trường được thực hiện theo chế độ tài chính hiện hành. Việc lập dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán các nguồn kinh phí đúng thủ tục tài chính. Để nâng cao năng lực tự chủ tài chính. Nhà trường đã triển khai xây dựng đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ trình các cấp phê duyệt.

Nhà trường đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, phát huy tính dân chủ, chủ động, sáng tạo của người lao động, nâng cao kỹ năng quản lý, chất lượng các hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo, đời sống vật chất tinh thần và điều kiện làm việc

của cán bộ, giáo viên trong nhà trường luôn luôn được lãnh đạo nhà trường đặt lên hàng đầu. Hằng năm thực hiện sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với lộ trình tự chủ; sử dụng tiết kiệm có hiệu quả các nguồn tài chính để có chênh lệch thu-chi, chi trả thu nhập tăng thêm, trích lập các quỹ để tái đầu tư và phát triển Nhà trường. Thu nguồn học phí theo mức thu do Nhà nước quy định. Tăng thu dịch vụ và các nguồn thu hợp tác, liên kết với các đơn vị ngoài trường đảm bảo nguyên tắc bù đắp chi phí và có tích lũy.

Trong giai đoạn 2020 - 2025, trường tiếp tục thực hiện tự chủ chi thường xuyên theo lộ trình cắt giảm ngân sách nhà nước, đồng thời đẩy mạnh đổi mới hoạt động để giảm dần sự lệ thuộc vào ngân sách nhà nước, đa dạng hóa các nguồn tài chính cho phát triển Nhà trường. Nguồn thu chủ yếu trong giai đoạn này bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu học phí, lệ phí, thu dịch vụ; nguồn thu hợp tác, liên kết với các đơn vị, tổ chức ngoài trường... và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường được nâng cao trong công tác quản lý nguồn thu. Cơ chế tự chủ cũng tạo điều kiện cho trường thực hiện việc kiểm soát chi tiêu nội bộ, phát huy tính dân chủ, chủ động, sáng tạo của người lao động; nâng cao kỹ năng quản lý, chất lượng hoạt động sự nghiệp; bước đầu rà soát lại chức năng nhiệm vụ đơn vị; yêu cầu về công khai, minh bạch trong tổ chức sắp xếp công việc, nhân sự, chi tiêu tài chính được thực hiện, tạo không khí đoàn kết trong nội bộ đơn vị. Tuy nhiên trong 2 năm gần đây, thu nhập tăng thêm của cán bộ, viên chức, lao động có xu hướng giảm, không cạnh tranh được so với thị trường bên ngoài nên đã ảnh hưởng đến đời sống, tinh thần, thái độ làm việc của một bộ phận người lao động, làm giảm lòng nhiệt tình và sự cống hiến.

1.3.7. Hiện trạng về công tác xây dựng chương trình, giáo trình và nghiên cứu khoa học

a) Chương trình đào tạo

Nhà trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, chương trình chi tiết mô đun, môn hoc; hiệu chỉnh, cập nhật, bổ sung kiến thức cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Biên soạn các chương trình đào tạo liên thông từ hệ trung cấp lên cao đẳng đối với các mã ngành đã có, đồng thời tổ chức biên soạn chương trình đào tạo các ngành mới đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Trường đã tổ chức biên soạn chương trình đào tạo của 28 ngành nghề hệ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp. Các chương trình đào tạo được thiết kế có tính thích nghi cao, có hàm lượng chất xám và công nghệ cao, một số nhóm ngành công nghiệp chủ lực có nhu cầu lao động cao trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Ưu tiên dạy ngoại ngữ, tin học, rèn luyện tác phong công nghiệp, khả năng làm việc nhóm… cho sinh viên. Chú trọng đào tạo năng lực thực hành, đào tạo gắn liền với lao động thực tế, thực tập kết hợp với sản xuất và nghiên cứu khoa học, đáp ứng các yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài nước cũng như đào tạo cho xuất khẩu lao động kỹ thuật.

Chương trình đào tạo các mô đun thực hành, thực tập được bố trí thời gian đào tạo tại doanh nghiệp, chiếm ít nhất 20% tổng thời gian khóa học, có hoạt động đào tạo gắn kết với doanh nghiệp để sản xuất, cung cấp sản phẩm và dịch vụ.

b) Giáo trình, tài liệu

Trong nhiều năm qua nhà trường đã tự tổ chức biên soạn và in ấn giáo trình, tài liệu tham khảo của các môn chuyên ngành đang đào tạo tại nhà trường. Tính đến năm 2022 Nhà trường đã tổ chức biên soạn 66 giáo trình, năm 2023 Nhà trường tiếp tục được UBND Thành phố đầu tư kinh phí tập trung cho biên soạn 22 giáo trình với nguồn kinh phí hơn 700 triệu đồng.

Biên soạn giáo trình phục vụ cho đào tạo các mã ngành mới; các sách tham khảo, chuyên khảo phục vụ cho việc ứng dụng CNTT và đổi mới phương pháp dạy học trong trường CĐ và các trường phổ thông; thiết kế bài giảng điện tử.

Hiện nay, các tài liệu giảng dạy trong nhà trường đã có 110 tài liệu đã chính thức được nhà trường tổ chức thực hiện công tác biên soạn để phục vụ công tác giảng dạy của nhà trường, đảm bảo 90% số môn học /mô đun chuyên ngành của các ngành có đủ tài liệu tham khảo và giáo trình.

Các môn học/mô đun còn lại nhà trường sử dụng những giáo trình đã được chọn lọc và uy tín của các nhà xuất bản cũng như các tác giả nổi tiếng như trường: Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Công Nghiệp Hà Nội, Học viện Chisholm Australia… Từng bước áp dụng các chuẩn Quốc tế trong đánh giá chất lượng đào tạo, đưa các giáo trình tiên tiến trên thế giới vào giảng dạy, trong đó có một số môn học giảng dạy bằng tiếng Anh.

c) Nghiên cứu khoa học

Xác định được tầm quan trọng của việc nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã thành lập Hội đồng khoa học và tổ chức các hoạt động khoa học như: biên soạn

chương trình, giáo trình, phát triển cơ sở vật chất, triển khai một số đề tài nghiên cứu khoa học trong giáo viên và sinh viên. Công tác nghiên cứu khoa học được phát triển sâu rộng trong toàn trường với nhiều nội dung thiết thực, ý nghĩa, thu hút nhiều cán bộ, giáo viên và sinh viên tham gia. Tính đến năm 2022 Nhà trường có 03 đề tài NCKH cấp Bộ được nghiệp thu, 162 Đề tài NCKH cấp trường, cùng với hàng trăm sáng kiến, cải tiến đã được đưa vào sử dụng và được đánh giá xếp loại Tốt cấp trường. Nhiều bài báo chuyên môn được lựa chọn báo cáo trong hội thảo chuyên ngành và đăng trên tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu hội thảo quốc gia. Hằng năm nhà trường đều có tối thiểu 02 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học, kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành.

Tổ chức làm mô hình thiết bị dạy học tự làm và tham gia thi cấp Thành phố, cấp toàn quốc, nhiều năm liền đều đạt kết quả cao: 08 mô hình đạt giải cấp Thành phố, 03 mô hình đạt giải Ba cấp Toàn quốc. Đồng thời tham gia triển lãm thiết bị dạy nghề do Sở lao động Thương binh xã hội tổ chức, ngày hội việc làm do các cơ sở giáo dục và các quận trên địa bàn Thành phố Hà Nội tổ chức.

Công tác NCKH trong Học sinh sinh viên được quan tâm và tập trung, các cuộc thi tay nghề, làm Đồ án tốt nghiệp đạt được nhiều kết quả khả quan. Nhiều mô hình của sinh viên ứng dụng trực tiếp vào công tác giảng dạy và học tập đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh những thế mạnh, thuận lợi trong hoạt động đào tạo thì nhà trường còn gặp một số khó khăn nhất định:

- Số lượng công trình khoa học công bố trên tạp chí còn ít so với năng lực của nhà giáo, các sản phẩm ứng dụng chưa được thương mại hóa nhiều, chưa thực sự bắt nghiệp được với sự phát triển của công nghệ số và ứng dụng CNTT trong nhà trường.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị sẵn có chỉ có thể phục vụ đào tạo, chưa có phòng nghiên cứu trọng điểm và các hoạt động chuyển giao công nghệ. Giáo trình, tài liệu thư viện chưa đáp ứng được yêu cầu cả về số lượng và chất lượng.

- Hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cần có sự đầu tư hơn nữa, thu hút được sự tham gia của các doanh nghiệp và xã hội, gắn kết với hoạt động đổi mới sáng tạo của Thành phố và Quốc gia. Hoạt động chuyển giao công nghệ còn mờ nhạt so với tiềm năng.

1.3.8. Hiện trạng về hợp tác doanh nghiệp

Hoạt động hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động có vai trò rất quan trọng đối với Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội. Hợp tác với doanh nghiệp để đổi mới và cập nhật chương trình đào tạo, điều chỉnh trong tổ chức triển khai đào tạo là con đường hiệu quả nhất để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phát triển năng lực dạy nghề của đội ngũ giảng viên. Từ đó, nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, đáp ứng những đòi hỏi, những yêu cầu cụ thể về năng lực nghề nghiệp của người lao động trong một khoảng thời gian nhất định.

Trong những năm gần đây, hoạt động phối hợp với doanh nghiệp trong vấn đề đào tạo, hướng nghiệp, tuyển dụng được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đặc biệt quan tâm. Nhà trường đã giao Phòng Quản lý Đào tạo phụ trách mảng công tác đào tạo gắn với doanh nghiệp, là kênh tiếp nhận nhu cầu đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp, triển khai nhiệm vụ đào tạo theo đặt hàng, truyền thông thu hút sự quan tâm của doanh nghiệp về chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp khi tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường đã tổ chức những buổi ký kết hợp tác, hội thảo trao đổi kinh nghiệm đào tạo. Nhiều doanh nghiệp lớn qua nhiều năm đã tiếp nhận HSSV của trường đến thực hành, thực tập và tuyển dụng HSSV ngay sau khi tốt nghiệp, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo. Số lượng đơn vị đã và đang có hoạt động hợp tác với Nhà trường gần 50 doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn Thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận miền bắc, đặc biệt là các doanh nghiệp nhiều năm liền hợp tác và thường xuyên tài trợ thiết bị đào tạo, trao các phần quà học bổng cho HSSV Nhà trường: Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Tân Hải Anh, Công ty TNHH LG DISPLAY Việt Nam Hải Phòng, Công ty TNHH hạ tầng viễn thông Miền Bắc, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty cổ phần Viễn thông FPT, Công ty cổ phần phát triển nghề nghiệp tuổi trẻ Việt, Công ty cổ phần công nghệ Plasma, Công ty cổ phần giải pháp tự động hoá ETEk, Công ty cổ phần tự động hóa Tân Phát,….

1.3.9. Một số kết quả hoạt động khác

Trường Cao đẳng Điện tử- Điện lạnh Hà Nội trong những năm qua đã được Thành uỷ, HĐND, UBND, các Sở, ban, ngành Thành phố quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ về mọi mặt; cùng với sự đoàn kết, thống nhất nỗ lực phấn đấu của cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và không ngừng phát triển. Quy mô đào tạo được mở rộng; loại hình, trình độ, ngành nghề đào tạo được đa dạng hoá, linh hoạt theo nhu cầu người học; chất lượng đào

tạo từng bước được nâng cao, CSVC, trang thiết bị ngày càng được củng cố, bổ sung theo hướng hiện đại. Đội ngũ CBQL và giảng viên trưởng thành về số lượng và chất lượng. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Trường vững mạnh. Chất lượng, hiệu quả đào tạo của Trường được các cơ sở, doanh nghiệp sử dụng lao động chấp nhận. Tính đến nay, nhà trường đã đào tạo được hàng vạn HSSV các hệ: cao đẳng, trung cấp, CNKT cho Thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận. Nhà trường đã trở thành địa chỉ đào tạo tin cậy của nhân dân và các doanh nghiệp.

Trải qua các thời kỳ phát triển, Đảng bộ nhà trường, chính quyền, các tổ chức quần chúng, toàn thể cán bộ, viên chức nhà trường đã chủ động, tích cực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên luôn đổi mới phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phong trào, tổ chức nhiều hoạt động bổ ích cho HSSV thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động của nhà trường. Trong các năm qua, Công đoàn và Đoàn Thanh niên nhà trường đã nhận được nhiều bằng khen của cơ quan cấp trên về các hoạt động của đoàn thể. Nhà trường thực hiện tốt công tác giữ gìn trật tự an ninh chung, thành lập Ban phòng chống ma tuý, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền ngăn ngừa HS, SV buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng ma tuý, yêu cầu 100% HS, SV ký cam kết về phòng chống ma tuý và các tệ nạn xã hội. Liên tục các năm qua Đảng bộ Nhà trường được Quận uỷ Cầu Giấy, Đảng uỷ khối các trường ĐH, CĐ Hà Nội công nhận là trong sạch vững mạnh.

Giai đoạn từ năm 2006 đến 2010: nhà trường vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất do Nhà nước tặng; được Bộ Lao động TB&XH tặng 03 Bằng khen cho trường; được UBND TP tặng Bằng khen cho trường dạy nghề xuất sắc, 01 Bằng khen của Bộ GD&ĐT, 01 Cờ thi đua xuất sắc của TP, 01 cá nhân được tặng Huân chương LĐ hạng 3.

Giai đoạn từ năm 2011 đến 2016: Nhà trường được tặng Huân chương độc lập hạng 3, 01 Bằng khen của Thủ tướng CP, 01 Cờ thi đua của Chính phủ, 01 Bằng khen của Bộ GD&ĐT, 02 Bằng khen của UBND Thành phố Hà Nội, 02 Cờ thi đua xuất sắc của Thành phố

Giai đoạn từ năm 2017 đến nay: Nhà trường được tặng 05 Bằng khen của UBND Thành phố Hà Nội, 01 Bằng khen của Bộ LĐTBXH.

CHƯƠNG II
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Mở rộng và đa dạng hoá chương trình đào tạo:

Tập trung phát triển chuyên sâu những chương trình đào tạo hiện có thuộc lĩnh vực điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin, cơ khí; xây dựng một số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế; mở rộng các ngành nghề mới đáp ứng nhu cầu xã hội, như: năng lượng tái tạo, công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, kinh tế, quản lý, dịch vụ, ngôn ngữ nước ngoài…

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ:

Giảng viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng giảng dạy, áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, ứng dụng các công nghệ giáo dục tiên tiến để tạo môi trường học tập năng động, thúc đẩy tư duy sáng tạo cho người học.

Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý đối với cán bộ quản lý đương nhiệm và cán bộ thuộc diện quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao trong giai đoạn mới.

3. Tạo môi trường học tập hiện đại:

Đầu tư cơ sở vật chất, phòng thực hành và trang thiết bị hiện đại để tạo điều kiện tốt nhất cho việc học tập, thực hành và nghiên cứu. Cung cấp cho người học tài nguyên số phù hợp với sự phát triển mạnh mẽ của thời đại công nghệ 4.0. Tạo cảnh quan, không gian học tập xanh – sạch – đẹp – an toàn; bồi đắp, nâng cao môi trường văn hóa học đường; xây dựng mối quan hệ giữa người học với cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thân thiện, cởi mở, thấu hiểu.

4. Phát triển nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ:

Khuyến khích cán bộ giảng dạy và người học tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng. Tạo cơ hội cho họ tham gia vào các dự án nghiên cứu thực tế, các dự án tạo ra sản phẩm có khả năng thương mại hóa.

5. Xây dựng mối quan hệ cộng đồng và doanh nghiệp:

Hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp để phát triển chương trình đào tạo có sự tham gia và hỗ trợ của các chuyên gia, nhằm cập nhật kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu thực tế của thị trường. Hợp tác với các doanh nghiệp để cung cấp cơ hội

thực tập nghề nghiệp và học tập thực tế cho học sinh, giúp họ áp dụng kiến thức vào thực tế và phát triển kỹ năng thực hành.

6. Hỗ trợ tư vấn nghề nghiệp:

Cung cấp dịch vụ tư vấn nghề nghiệp để hỗ trợ học sinh trong việc xác định hướng nghề nghiệp, lập kế hoạch phát triển sự nghiệp và chuẩn bị cho thị trường lao động.

7. Hợp tác và giao lưu quốc tế:

Tạo cơ hội cho học sinh và giảng viên tham gia vào các hoạt động giao lưu quốc tế, hợp tác nghiên cứu và học tập, từ đó mở rộng kiến thức và tạo mối quan hệ quốc tế. Hướng tới xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế.

8. Đánh giá và kiểm định chất lượng:

Xây dựng hệ thống đánh giá chất lượng liên tục để đảm bảo chương trình đào tạo luôn đáp ứng yêu cầu thực tế và đưa ra biện pháp cải thiện khi cần thiết. Thực hiện kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

Những định hướng trên là mục tiêu đưa Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội phát triển mạnh mẽ, đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp và xã hội, từ đó đào tạo ra những sinh viên và chuyên gia có kiến thức, kỹ năng và khả năng thích nghi cao trong tương lai.

CHƯƠNG III
MỤC TIÊU, SỨ MẠNG

3.1. Mục tiêu đến năm 2030

Xây dựng Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, trường học thông minh với hệ thống quản trị tiên tiến, có nhiều ngành nghề trọng điểm đạt chuẩn của quốc gia, khu vực và quốc tế, là trung tâm hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ uy tín của Việt Nam.

3.2. Sứ mạng của Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội là một cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đa ngành, đa cấp độ, đào tạo các ngành nghề công nghệ kỹ thuật, dịch vụ, ngôn ngữ nhằm cung cấp cho Thủ đô và Đất nước đội ngũ kỹ sư thực hành và lực lượng lao động khác có tay nghề cao; có phẩm chất đạo đức tốt; có năng lực tự chủ, tinh thần làm việc nhóm và có khả năng tự tạo việc làm cho bản thân, cho người khác; có khả năng hội nhập quốc tế, phát triển bền vững, đáp ứng tốt yêu cầu của sự đổi mới về khoa học, công nghệ cũng như nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

CHƯƠNG IV
CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG

4.1. Các yếu tố tác động

4.1.1. Các yếu tố bên ngoài Trường

Sự quản lý ngành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đối với việc xây dựng chiến lược phát triển và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các quy định trong hoạt động đào tạo là yếu tố tác động trực tiếp đến các hoạt động của nhà trường.

Các chủ trương, chính sách, kế hoạch của Thành ủy, UBND thành phố về phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục - đào tạo, đặc biệt là giáo dục nghề nghiệp có tác động lớn đến định hướng phát triển của nhà trường.

Xu hướng nghề nghiệp và nhận thức xã hội có nhiều thay đổi, cùng với đó, sự phát triển sản xuất và nhu cầu sử dụng lao động được đào tạo của các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất tác động đến định hướng phát triển các ngành nghề đào tạo của nhà trường.

4.1.2. Các yếu tố bên trong Trường

Nhà trường có thế mạnh đào tạo các ngành nghề kỹ thuật đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động trong thời kỳ đẩy mạnh CNH – HĐH. Với truyền thống gần 60 năm hình thành và phát triển, nhà trường đã xây dựng và khẳng định được thương hiệu và vị thế riêng của mình.

Phẩm chất, năng lực của lãnh đạo Nhà trường, trong đó có tầm nhìn chiến lược, khả năng đoàn kết, tạo lập sự đồng thuận giữa các đơn vị và cá nhân trong Trường để thực hiện mục tiêu chung; sự nhạy bén của đội ngũ lãnh đạo và quản lý nhà trường đối trong việc đổi mới quản lý phù hợp với môi trường thường xuyên biến động;

Phẩm chất, năng lực của đội ngũ GV và nhân viên ngang tầm với nhiệm vụ được phân công; đời sống vật chất ổn định, tạo điều kiện cho họ luôn tha thiết với ngành, nghề, gắn bó với Trường;

Cơ sở vật chất bao gồm: vị trí trung tâm, mặt bằng đất đai, phòng học, phòng thực hành, sân chơi, … cũng như tài chính từ Nhà nước, từ học phí và từ các nguồn khác đáp ứng được các nhu cầu ngày càng tăng của hoạt động nhà trường.

4.2. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức

4.2.1. Điểm mạnh, điểm yếu

a) Điểm mạnh:

Nhà trường có bề dày truyền thống trong công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo các ngành nghề công nghệ kỹ thuật 4.0. Với truyền thống đó, nhà trường là cơ sở đào tạo có uy tín với các cơ quan quản lý nhà nước, với các doanh nghiệp và các đơn vị nhà trường khác.

Tỉ lệ người học sau khi ra trường có việc làm gần với chuyên ngành đào tạo chiếm trên 80% với mức thu nhập cao, có nhiều cơ hội phát triển, liên thông ngành nghề, tạo công ăn việc làm cho nhiều người lao động.

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo trẻ chiếm đa số, có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề, ham học hỏi, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Quy mô đào tạo của trường ngày càng được mở rộng, ngành nghề đào tạo đa dạng. 100% các nghề có chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Bộ Lao động - TBXH và được cấp phép đào tạo. Cơ sở vật chất của Nhà trường được đầu tư bước đầu đáp ứng được yêu cầu về nghiên cứu, giảng dạy và học tập; trang thiết bị dạy nghề cơ bản đáp ứng được yêu cầu công tác đào tạo cho một số nghề.

Chất lượng đào tạo ngày càng được nâng lên, HSSV tốt nghiệp ra trường được nhiều doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc, có thu nhập ổn định.

b) Điểm yếu:

Cơ cấu ngành nghề tuy đa dạng song chưa tiếp cận được với các chương trình trọng điểm quốc gia, quốc tế, vì thế chưa theo kịp với sự phát triển và nhu cầu của xã hội.

Giáo trình dạy nghề do Nhà trường tự biên soạn được còn ít, mới chỉ dừng lại ở tài liệu lưu hành nội bộ. Một số giáo trình, tài liệu phải sử dụng nguồn sẵn có trên thị trường, tuy nhiên đa số nặng về lý thuyết chưa phù hợp với lĩnh vực dạy nghề.

Cơ sở vật chất đã được đầu tư song chưa đáp ứng quy mô phát triển của Nhà trường, phòng học lý thuyết và xưởng thực hành còn thiếu, trang thiết bị các nghề còn thiếu về số lượng, chưa đồng bộ và hiện đại. Một số trang thiết bị đầu tư từ lâu đã cũ, phương tiện hỗ trợ cho giảng dạy và học tập còn thiếu.

c) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

- *Nguyên nhân khách quan:*

Đặc thù của dạy nghề là đào tạo thực hành, việc mở mới các mã nghề yêu cầu cơ sở vật chất, kinh phí đầu tư trang thiết bị thực hành, thực tập, nhà xưởng rất lớn, lại chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước. Đây là khó khăn lớn khi mở mã nghề mới, trong khi các nghề đào tạo đã có của trường còn chưa được đầu tư đầy đủ, đồng bộ.

Nhà nước chưa có chính sách đột phá trong việc thu hút, tuyển dụng giảng viên, giáo viên dạy nghề có trình độ cao. Việc tuyển dụng, hợp đồng giáo viên dạy nghề rất khó khăn do yêu cầu phải dạy thực hành nghề. Chế độ tiền lương còn thấp, khó thu hút được giảng viên, giáo viên giỏi vào dạy nghề, có hiện tượng chảy máu chất xám.

Nhận thức của xã hội vẫn coi trọng bằng cấp đại học, chưa chú trọng đến học nghề. Trình độ đầu vào không thấp, đồng đều, học sinh chủ yếu là học tại các trung tâm GDNN-GDTX, đa số học sinh học nghề mới tốt nghiệp THCS còn ít tuổi, chưa có nhận thức sâu sắc về nghề nghiệp và việc làm, khả năng nhận thức, tiếp thu kiến thức còn chậm, chưa thoát khỏi ảnh hưởng của tập quán lạc hậu. Việc chấp hành giờ giấc, kỷ luật, tác phong công nghiệp còn nhiều hạn chế.

Cơ chế, chính sách gắn kết đơn vị sử dụng lao động (doanh nghiệp) và cơ sở đào tạo lao động, tuyển dụng lao động chưa chặt chẽ. Công tác dự báo nhu cầu sử dụng lao động chưa chính xác, biến động liên tục gây khó khăn cho tuyển sinh và giải quyết việc làm sau đào tạo.

- *Nguyên nhân chủ quan:*

Việc đổi mới nội dung chương trình đào tạo còn chậm, nhất là chương trình đào tạo của các môn học, mô đun có chứa nội dung công nghệ cao. Nội dung chương trình còn mang tính hàn lâm.

Trang thiết bị còn thiếu về số lượng, nhiều thiết bị được đầu tư đã lâu nên hạn chế về chất lượng, ít trang thiết bị hiện đại.

Giáo trình dạy nghề do Nhà trường tự biên soạn được còn ít do thiếu kinh phí, chủ yếu huy động đóng góp trí tuệ từ cán bộ, giảng viên và hỗ trợ từ nguồn chi thường xuyên của trường. Việc biên soạn giáo trình dạy nghề cũng đòi hỏi rất nhiều công sức và cần phải có thời gian.

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo còn thiếu về số lượng, mất cân đối về cơ cấu các ngành nghề. Một số cán bộ quản lý, nhà giáo chưa năng động, sáng tạo, trình độ

chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, kỹ năng nghề chưa đáp ứng yêu cầu, cần phải tiếp tục được đào tạo bồi dưỡng.

4.2.2. Cơ hội, thách thức

a) Cơ hội

Sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của khoa học và công nghệ đòi hỏi đội ngũ lao động có trình độ kỹ thuật cao đáp ứng công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và công cuộc chấn hưng, phát triển đất nước. Đề đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn đó, nhà nước ta thực hiện đẩy mạnh sự phát triển của các ngành nghề liên quan đến sự phát triển công nghiệp. Đây là cơ hội rất lớn đối với nhà trường khi mà thế mạnh của nhà trường là khối các ngành kỹ thuật.

Sự thiếu hụt lao động, nhất là lao động chất lượng cao là một thách thức lớn đối với xã hội nhưng lại mở ra cơ hội lớn cho nhà trường để tập trung phát triển, mở rộng tuyển sinh, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Nhân lực chất lượng cao ngày càng trở thành nhân tố quyết định sự phát triển cũng như năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia, đây là một trong 3 khâu đột phá trong chiến lược đã được Đảng và Nhà nước xác định trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Trong đó, giáo dục nghề nghiệp ngày càng được Đảng, Nhà nước quan tâm, ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích. Đặc biệt, sự ra đời của Luật Giáo dục nghề nghiệp đã tạo sự thống nhất có tính hệ thống, tạo điều kiện thuận lợi cho lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp phát triển.

Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đặc biệt khi tham gia cộng đồng ASEAN thì thị trường lao động cạnh tranh quyết liệt hơn, đòi hỏi người lao động phải có chuyên môn, kỹ năng nghề nhất định mới hy vọng có được việc làm và thu nhập ổn định. Nhận thức của xã hội về học nghề đã có nhiều chuyển biến tích cực qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của giáo dục nghề nghiệp.

Trong những năm gần đây, Nhà trường nhận được nhiều sự quan tâm tạo điều kiện và đầu tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, sự chung tay, sát cánh, hợp tác cùng phát triển của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sự chuyển biến trong nhận thức của xã hội về giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp cũng tạo ra những thời cơ lớn cho Nhà trường trong thời gian tới.

b) Khó khăn và thách thức

Nhận thức của phần lớn người sử dụng lao động, người lao động và xã hội về học nghề chưa đầy đủ, còn coi trọng bằng cấp đại học, nên học nghề không phải là lựa chọn ưu tiên.

Đứng trước cánh cửa hội nhập kinh tế quốc tế, yêu cầu đổi mới về mọi mặt để tồn tại và phát triển, đặc biệt là phải thực hiện đổi mới hoạt động theo cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

Nhu cầu lao động chất lượng cao ngày càng lớn, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đặt ra cho Nhà trường trong thời gian tới phải đổi mới chương trình, phương thức tổ chức đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Sự cạnh tranh trong lĩnh vực đào tạo nghề giữa các cơ sở GDNN ngày càng lớn, đòi hỏi Nhà trường phải không ngừng xây dựng và bảo vệ thương hiệu của mình. Yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo là cấp bách trong điều kiện trình độ đầu vào của học sinh còn thấp, điều kiện kinh tế khó khăn, còn tâm lý bằng cấp... là những khó khăn sẽ gặp phải khi thực hiện các mục tiêu chiến lược.

Áp lực từ việc mở mới mã ngành đáp ứng nhu cầu xã hội, kinh phí đầu tư trang thiết bị cho dạy nghề rất lớn, yêu cầu tự chủ trong hoạt động, ngân sách nhà nước cấp ngày càng hạn hẹp, việc hợp tác với doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ chế chính sách ràng buộc... là những thách thức không nhỏ cho Nhà trường trong quá trình phát triển.

Cơ chế trả lương và thu nhập không cạnh tranh được với khối doanh nghiệp, trường tư, các trường đại học… Vì thế, khó thu hút được người tài, chuyên gia giỏi làm việc cho Trường.

CHƯƠNG V
GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

5.1. Chiến lược phát triển đào tạo

Mục tiêu chung:

Đào tạo lực lượng kĩ thuật chất lượng cao trong các lĩnh vực: ***Điện, Điện tử, Điện lạnh, CNTT, Cơ khí*** có năng lực thực hành nghề đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp; có sức khoẻ, lao động sáng tạo, tư duy khởi nghiệp, có năng lực hợp tác, năng lực tự học, ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm cho bản thân và xã hội hoặc học lên trình độ cao hơn.

Mục tiêu cụ thể:

Đến năm 2030 trường Cao đẳng Điện tử-Điện lạnh Hà Nội là một trường đạt chuẩn chất lượng cao của Thành phố Hà Nội.

Nâng cao chất lượng các ngành, nghề trọng điểm của trường thuộc các lĩnh vực Điện, Điện tử, Điện lạnh, CNTT, Cơ khí. Với vị trí địa lý thuộc "vùng lõi" của Thủ đô Hà Nội, Nhà trường chủ trương đầu tư mở rộng thêm các ngành nghề ứng dụng công nghệ cao thuộc các lĩnh vực: năng lượng tái tạo, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, kinh tế, dịch vụ, ngôn ngữ và chăm sóc sắc đẹp phục vụ nhu cầu đa dạng của người học. Xây dựng một số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế. Tổ chức đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp, đào tạo chất lượng cao phục vụ xuất khẩu lao động và đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học.

Thực hiện chủ trương nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Thành phố, tăng tỷ lệ lao động kỹ thuật được qua đào tạo, Nhà trường xác định mở rộng quy mô, cơ cấu, hình thức, đa dạng các loại hình đào tạo trình độ từ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng. Năm 2025 đạt quy mô đào tạo từ 3000 đến 3500 HSSV, trong đó quy mô đào tạo hệ 9+ là 1000 học sinh; năm 2030 đạt quy mô đào tạo từ 5000 đến 5500 HSSV, trong đó có 1500 học sinh hệ 9+.

Về chất lượng HSSV hằng năm tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp và tốt nghiệp THPT đạt 98% trong đó khá giỏi trên 50%; hiệu suất đào tạo sau khoá học đạt 85%; tỷ lệ HSSV có việc làm đúng chuyên ngành sau khi tốt nghiệp đạt 95% trở lên.

Chú trọng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng áp dụng công nghệ hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng bài giảng điện tử, ứng dụng phần mềm trong quản lý, giảng dạy và thực hành, thực tập. Phấn đấu tất cả các môn học, mô đun của các chương trình đào tạo có giáo trình, tài liệu riêng của nhà trường, được số hóa và công khai trên hệ thống thông tin, thư viện và website của nhà trường.

Tăng cường phối hợp doanh nghiệp trong đào tạo. Huy động sự tham gia của doanh nghiệp trong đào tạo, xây dựng chương trình, đầu tư cơ sở vật chất, đánh giá HSSV. Đến năm 2025, HSSV của tất cả các ngành nghề, trình độ đào tạo đều được tham gia học tập tại doanh nghiệp, trong đó có ít nhất 02 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện theo đặt hàng của doanh nghiệp. Năm 2030 có ít nhất 05 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo đặt hàng của doanh nghiệp.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Thí điểm đào tạo một số nghề theo chuẩn quốc tế:

+ Đến năm 2025 gồm 3 nghề: Công nghệ thông tin; Tự động hóa công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

+ Đến năm 2030 gồm 5 nghề: Công nghệ thông tin; Tự động hóa công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Điện tử công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.

- Được một số tổ chức giáo dục có uy tín quốc tế công nhận văn bằng, chứng chỉ.

- Đến năm 2025 ít nhất 2 nghề trọng điểm và đến năm 2030 100% các nghề trọng điểm của trường có sự tham gia trực tiếp của doanh nghiệp trong hoạt động tổ chức đào tạo.

- Quy mô đào tạo:

+ Đến năm 2025 đạt 3100 học sinh, sinh viên, trong đó hệ 9+ đạt 1000 học sinh.

+ Đến năm 2030 đạt 5200 học sinh, sinh viên, trong đó hệ 9+ đạt 1500 học sinh.

(Có bảng quy mô đào tạo kèm theo)

Giải pháp:

- Đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Tất cả cán bộ, công nhân viên của trường đều có trách nhiệm và được huy động trong các hoạt động phục vụ đào tạo.

- Phát triển các ngành nghề đào tạo phù hợp với đòi hỏi thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao của Hà Nội về công nghệ cao phục vụ sản xuất, phục vụ phát triển công nghiệp, hội nhập quốc tế.

- Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo. Xây dựng các bài giảng điện tử, số hóa nguồn học liệu cho HSSV. Ứng dụng phần mềm quản lý vào tất cả các khâu của quá trình tổ chức đào tạo.

- Tập trung mọi nguồn lực cho công tác tuyển sinh, đảm bảo tuyển sinh đủ chỉ tiêu theo cơ cấu ngành nghề đăng ký. Đổi mới công tác tuyển sinh, đảm bảo chất lượng đầu vào.

- Đối với hệ 9+:

+ Nâng cao hiệu quả tuyển sinh hệ 9+. Có cơ chế hợp tác sâu rộng với các trường THCS khu vực lân cận trường để tuyển sinh đối tượng học sinh học hệ 9+. Tăng cường hiệu quả công tác tuyên truyền, quảng bá để thay đổi nhận thức của người dân đối với hệ 9+.

+ Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Nhà trường, trung tâm GDNN-GDTX và phụ huynh học sinh trong hoạt động đào tạo. Huy động sự quan tâm của phụ huynh học sinh để tăng cường các điều kiện học tập và đảm bảo chất lượng học tập.

+ Thực hiện tuyển chọn đội ngũ nhà giáo tâm huyết và trình độ chuyên môn vững. Tổ chức kiểm tra hồ sơ, kế hoạch giảng dạy, dự giờ thăm lớp theo quy định của Sở GD&ĐT. Tiếp tục giữ vững mục tiêu 100% học sinh tốt nghiệp THPT Quốc gia.

- Tiếp tục xây dựng và chỉnh sửa chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo, làm cơ sở đổi mới tổ chức quá trình đào tạo và đánh giá. Gắn kết chặt chẽ công tác đào tạo của Trường với nhu cầu xã hội; khảo sát, đánh giá và đầu tư có trọng điểm vào những ngành nghề có nhu cầu nhân lực kỹ thuật chất lượng cao.

- Quy mô đào tạo của trường khoảng 3.100 học sinh/sinh viên từ năm 2025, trong đó hệ 9+ đạt 1000 học sinh; 5.200 học sinh/sinh viên vào năm 2030 trong đó trình độ Cao đẳng là chủ yếu và hệ 9+ là 1.500 học sinh.

- Đa dạng hóa loại hình và hình thức đào tạo: Tập trung đẩy mạnh đào tạo trình độ cao đẳng, đào tạo hệ 9+; tổ chức các lớp đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp, đào tạo tại doanh nghiệp, đào tạo bồi dưỡng theo nhu cầu; Nhà trường cùng với doanh nghiệp trực tiếp tổ chức đào tạo.

- Tiếp tục tổ chức hoạt động đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ nhằm đạo điều kiện linh hoạt cho người học. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học theo phương pháp tích hợp.

- Tổ chức đào tạo thí điểm một số ngành nghề theo mô hình lớp chất lượng cao. Chuẩn hoá các chương trình dạy nghề để vừa sát hợp với nhu cầu vừa tiếp cận trình độ công nghệ tiên tiến theo hướng tương thích khu vực và quốc tế. Tiến tới xây dựng các nghề đào tạo đạt chuẩn Quốc tế, Khu vực và Quốc gia.

- Thường xuyên thực hiện tự kiểm định, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đối với tất cả các ngành nghề trọng điểm. Thực hiện đánh giá ngoài đối với hoạt động của Trường.

- Thực hiện đánh giá năng lực của người tốt nghiệp theo mục tiêu đào tạo; huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đánh giá kết quả học tập của người học. Định kỳ tiến hành điều tra về mức độ, năng lực người tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng của địa phương và của ngành.

- Xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo đáp ứng sự phát triển của khoa học – công nghệ, sử dụng và ứng dụng các vật liệu thân thiện với môi trường trong quá trình giảng dạy, thực hành. Xây dựng chương trình đào tạo theo hướng kích thích khả năng tư duy, sáng tạo và tự tìm tòi, nghiên cứu, cải biến những công nghệ hiện có thành công nghệ xanh, công nghệ thông minh.

- Hoạt động phối hợp doanh nghiệp trong đào tạo:

+ Xây dựng kế hoạch hợp tác cụ thể với các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội và các địa phương lân cận như: Hải Phòng, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên… để hợp tác đào tạo, tiếp nhận sinh viên thực tập, tuyển dụng lao động và giải quyết việc làm cho học sinh sinh viên sau tốt nghiệp. Tổ chức họp, hội thảo trao đổi về đào tạo hợp tác định kỳ 2 lần/năm vào 2 đợt học sinh sinh viên tốt nghiệp. Mời doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo; xây dựng chuẩn đầu ra; đánh giá và cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của người học của Trường.

+ Phấn đấu đến năm 2025, có từ 95% HSSV tốt nghiệp trở lên có việc làm đúng hoặc gần với ngành nghề đào tạo trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp. Có ít nhất 80% doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động khẳng định học sinh, sinh viên tốt nghiệp của trường đáp ứng được yêu cầu công việc.

+ Nhà trường thực hiện cung cấp, tổ chức các khóa đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp.

+ Đến năm 2025 xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu người học sau đào tạo và liên kết hợp tác với các Trung tâm tư vấn việc làm, các sàn giới thiệu việc làm để cung ứng người lao động.

QUY MÔ ĐÀO TẠO

STT	Trình độ đào tạo và tên nghề	Giai đoạn		Dự kiến Giai đoạn 2023-2030					
		2023-2025	2026-2030	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2028-2029	2029-2030
A	**Hệ Cao đẳng**	**2103**	**3708**	**554**	**650**	**899**	**1192**	**1258**	**1258**
I	**Khoa Điện tử viễn thông**	**491**	**726**	**146**	**146**	**199**	**242**	**242**	**242**
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	225	300	75	75	75	100	100	100
2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	105	105	35	35	35	35	35	35
3	Điện tử công nghiệp	54	54	18	18	18	18	18	18
4	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	54	54	18	18	18	18	18	18
5	Bảo trì thiết bị cơ điện	0	54				18	18	18
6	Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà	18	54			18	18	18	18
7	Công nghệ chíp bán dẫn	35	105			35	35	35	35
II	**Khoa Điện-Tự động hóa**	**310**	**513**	**70**	**105**	**135**	**171**	**171**	**171**
8	Điện công nghiệp	105	105	35	35	35	35	35	35
9	Tự động hóa công nghiệp	105	105	35	35	35	35	35	35
10	Quản lý tòa nhà	70	105		35	35	35	35	35
11	Điều khiển điện trong công nghiệp	0	54				18	18	18
12	Điều khiển nông nghiệp công nghệ cao	0	54				18	18	18
13	Công nghệ kỹ thuật hệ thống năng lượng mặt trời	30	90			30	30	30	30
III	**Khoa Công nghệ nhiệt lạnh**	**605**	**960**	**175**	**200**	**230**	**320**	**320**	**320**
14	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	575	600	175	200	200	200	200	200

15	Cơ điện lạnh thủy sản	30	90			30	30	30	30
16	Chế biến và bảo quản thủy sản	0	90				30	30	30
17	Công nghệ cơ khí, sưởi ấm và điều hòa không khí	0	90				30	30	30
18	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	0	90				30	30	30
IV	**Khoa CNTT và TT**	**260**	**432**	**68**	**86**	**106**	**124**	**154**	**154**
19	Công nghệ thông tin	170	270	50	50	70	70	100	100
20	Quản trị mạng	54	54	18	18	18	18	18	18
21	Truyền thông đa phương tiện	36	54		18	18	18	18	18
22	Trí tuệ nhân tạo (AI)		54				18	18	18
V	**Khoa Cơ khí - Ô tô**	**185**	**495**	**35**	**35**	**115**	**165**	**165**	**165**
23	Công nghệ ô tô	50	210			50	70	70	70
24	Bảo trì và sửa chữa khung vỏ ô tô	0	90				30	30	30
25	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	105	105	35	35	35	35	35	35
26	Hàn	30	90			30	30	30	30
VI	**Khoa Kinh tế**	**162**	**324**	**30**	**48**	**84**	**84**	**120**	**120**
27	Quản trị kinh doanh	90	90	30	30	30	30	30	30
28	Thương mại điện tử	18	78			18	18	30	30
29	Marketing thương mại	36	78		18	18	18	30	30
30	Logistics	18	78			18	18	30	30
VII	**Khoa Ngoại ngữ**	**0**	**108**	**0**	**0**	**0**	**36**	**36**	**36**
31	Tiếng Đức	0	54				18	18	18
32	Tiếng Anh	0	54				18	18	18
VIII	**Khoa Chăm sóc sắc đẹp**	**90**	**150**	**30**	**30**	**30**	**50**	**50**	**50**
33	Chăm sóc sắc đẹp	90	150	30	30	30	50	50	50

B	**Hệ Trung cấp**	**962**	**1406**	**323**	**427**	**535**	**659**	**703**	**703**
I	**Khoa Điện tử viễn thông**	**100**	**136**	**50**	**50**	**50**	**68**	**68**	**68**
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	100	100	50	50	50	50	50	50
2	Bảo trì thiết bị cơ điện	0	36				18	18	18
II	**Khoa Điện - Tự động hóa**	**96**	**96**	**30**	**48**	**48**	**48**	**48**	**48**
3	Điện công nghiệp	60	60	30	30	30	30	30	30
4	Quản lý tòa nhà	36	36		18	18	18	18	18
III	**Khoa Công nghệ nhiệt lạnh**	**118**	**136**	**50**	**50**	**68**	**68**	**68**	**68**
5	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	100	100	50	50	50	50	50	50
7	Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm	18	36			18	18	18	18
IV	**Khoa CNTT và TT**	**264**	**342**	**103**	**123**	**141**	**171**	**171**	**171**
8	Công nghệ thông tin	140	200	50	70	70	100	100	100
9	Thiết kế đồ họa	70	70	35	35	35	35	35	35
10	Thiết kế trang web	36	36	18	18	18	18	18	18
11	Truyền thông đa phương tiện	18	36			18	18	18	18
V	**Khoa Cơ khí - Ô tô**	**60**	**132**	**0**	**30**	**30**	**66**	**66**	**66**
12	Công nghệ ô tô	60	60		30	30	30	30	30
13	Bảo trì và sửa chữa khung vỏ ô tô	0	36				18	18	18
14	Hàn	0	36				18	18	18
VI	**Khoa Kinh tế**	**150**	**292**	**30**	**48**	**102**	**102**	**146**	**146**
17	Quản trị kinh doanh	60	60	30	30	30	30	30	30
18	Thương mại điện tử	18	36			18	18	18	18
19	Marketing thương mại	36	36		18	18	18	18	18
20	Logistics	18	60			18	18	30	30

21	Dịch vụ thương mại hàng không	18	100			18	18	50	50
VII	**Khoa Ngoại ngữ**	**96**	**136**	**30**	**48**	**48**	**68**	**68**	**68**
22	Tiếng Đức	60	100	30	30	30	50	50	50
23	Tiếng Anh	36	36		18	18	18	18	18
VIII	**Khoa Chăm sóc sắc đẹp**	**78**	**136**	**30**	**30**	**48**	**68**	**68**	**68**
24	Chăm sóc sắc đẹp	60	100	30	30	30	50	50	50
25	Phun xăm thẩm mỹ	18	36			18	18	18	18
	Hệ sơ cấp quy đổi (hệ số 0.4)	**120**	**160**	**80**	**120**	**120**	**140**	**160**	**160**
				200	300	300	350	400	400
	Tổng số HSSV	**3185**	**5274**	**957**	**1197**	**1554**	**1991**	**2121**	**2121**

CÁC NGHỀ TRỌNG ĐIỂM CẤP QUỐC TẾ, KHU VỰC, QUỐC GIA

TT	Tên nghề	Trình độ		
		Quốc tế	Khu vực	Quốc Gia
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử			X
2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	X		
3	Điện tử công nghiệp	X		
4	Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà			X
5	Điện công nghiệp			X
6	Tự động hóa công nghiệp	X		
7	Điều khiển điện trong công nghiệp		X	
8	Điều khiển nông nghiệp công nghệ cao			X
9	Công nghệ kỹ thuật hệ thống năng lượng mặt trời			X
10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	X		
11	Cơ điện lạnh thủy sản			X
12	Công nghệ cơ khí, sưởi ấm và điều hòa không khí			X
13	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh		X	
14	Công nghệ thông tin	X		
15	Quản trị mạng			X
16	Truyền thông đa phương tiện			X
17	Công nghệ ô tô			X
18	Hàn			X
19	Marketing thương mại			X
20	Logistics			X
21	Chăm sóc sắc đẹp			X

1.2. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất

Mục tiêu chung:

Xây dựng cơ sở vật chất của trường đạt tiêu chuẩn Trường chuẩn quốc gia của Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội. Có đủ cơ sở vất chất, thiết bị dạy nghề theo tiêu chuẩn của các nghề trọng điểm ở cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

Đầu tư mở rộng thêm về diện tích đất xây dựng, mở rộng quy mô của các phòng, xưởng thực hành, cải tạo cảnh quan môi trường học tập chung đạt chuẩn của trường cao đẳng chất lượng cao.

Đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo, đặc biệt đối với các ngành nghề mũi nhọn của Trường. Tiếp tục đầu tư xây dựng mới các phòng học, xưởng thực hành, thực tập đáp ứng yêu cầu phát triển của quy mô và ngành nghề đào tạo.

Tăng cường trang thiết bị cho các phòng, xưởng thực hành các ngành nghề thuộc lĩnh vực Điện, Điện tử, Điện lạnh, CNTT, Cơ khí theo hướng hiện đại hoá thiết bị, giúp cho HSSV có khả năng tiếp cận với yêu cầu phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến.

Nâng cấp thiết bị cho các phòng thực hành Cơ điện tử, Điện tử công nghiệp, phòng thực hành CNC, phòng thực hành Mạng truyền thông công nghiệp, phòng thực hành lạnh công nghiệp, trên cơ sở đó đẩy mạnh việc thực tập kết hợp với lao động sản xuất.

Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT, bổ sung thêm hệ thống máy tính cấu hình cao, tiếp tục tăng cường đầu tư nâng cấp hệ thống máy chủ, mạng internet và mạng nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo và quản lý.

Giải pháp:

Tập trung hoàn thành công trình dự án xây dựng nhà học đa năng và xưởng thực hành và cải tạo cơ sở vật chất của trường vào năm 2025. Tu bổ nâng cấp các công trình và thiết bị kỹ thuật đảm bảo theo thiết kế.

Mua sắm bổ sung thiết bị dụng cụ đảm bảo các hệ thống thiết bị đồng bộ, hiệu quả cao trong đào tạo theo chuẩn của từng nghề. Chuẩn bị cơ sở vật chất tổ chức đào tạo cho các nghề thuộc lĩnh vực chăm sóc sắc đẹp. Đầu tư trang thiết bị cho các phòng thực hành, thí nghiệm, đặc biệt chú trọng các nghề mũi nhọn. Xây dựng một số xưởng thực hành kiểu mẫu đạt chuẩn quốc tế.

Tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản: 100 tỷ đồng; bình quân 20 tỷ đồng/năm. Mua sắm trang thiết bị: 15 tỷ đồng; bình quân: 3 tỷ đồng/năm.

Xây dựng thư viện và nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin tạo điều kiện cho học sinh/sinh viên tiếp cận tốt với thư viện điện tử phục vụ học tập. Tổ chức phục vụ đáp ứng yêu cầu học tập của người học; tiến tới thành lập thư viện điện tử. Tổng mức đầu tư: 200 triệu đồng/năm.

Bằng mọi nguồn kinh phí tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị sẵn sàng đáp ứng yêu cầu đào tạo. Tiến hành thường xuyên sửa chữa, tu bổ nhà xưởng, lớp học, nhà làm việc có phù hợp với công năng đảm bảo nhiệm vụ, quy mô đào tạo.

Xây dựng đủ phòng học và diện tích lớp học cho việc dạy và học; đủ phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị theo yêu cầu của chương trình giáo dục; đủ phòng làm việc cho các cán bộ, GV và nhân viên cơ hữu theo qui định. Đảm bảo diện tích khu thể dục thể thao theo quy định; đủ trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao.

Đẩy mạnh phong trào tự làm thiết bị dạy học của GV nhằm làm phong phú thêm về chủng loại và số lượng thiết bị, đáp ứng qui mô đào tạo ngày càng tăng. Tăng cường liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp đặc biệt các doanh nghiệp sản xuất hiện đại làm cơ sở thực hành, thực tập cho HSSV, khai thác chung tài nguyên, thực hiện đào tạo gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh; đào tạo gắn với sử dụng, giảm kinh phí tăng hiệu quả đào tạo, đắp ứng được yêu cầu đào tạo trong thời kỳ mới.

5.3. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Nhiệm vụ

Đổi mới, xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và bộ máy tổ chức đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường, đạt tiêu chí, tiêu chuẩn trường chất lượng cao theo quy định.

Chuẩn hoá đội ngũ theo yêu cầu của từng vị trí công tác. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo về trình độ đào tạo, nghiên cứu khoa học, kỹ năng thực hành, phương pháp giảng dạy, kiến thức về tin học, ngoại ngữ và các kỹ năng cần thiết đáp ứng việc thực hiện tốt mục tiêu, sứ mạng và sự phát triển bền vững của Trường hướng tới Hội nhập Quốc tế về giáo dục nghề nghiệp.

Xây dựng đội ngũ viên chức quản lý có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, trình độ tin học và tiếng Anh đáp ứng được yêu cầu, đã có kinh nghiệm làm việc trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, được đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và các nghiệp vụ khác, đủ theo nhu cầu công tác cán bộ, nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp.

Chỉ tiêu

STT	Nội dung thực hiện	Chỉ tiêu cụ thể		
		Giai đoạn hiện nay	**Năm 2025**	**Năm 2030**
1	**Số lượng giảng viên**	**62**	**137**	**209**
2	Số lượng viên chức khác	26	34	41
3	Tỷ lệ đội ngũ VC, LĐ khối hành chính trên tổng số cán bộ, giảng viên	29,5%	24,8%	20%
4	Tỷ lệ giảng viên có trình độ trên ĐH	72,58 %	80%	90%
5	Tỷ lệ giảng viên chuyên môn trên tổng số giảng viên	72,58%	75%	80%
6	Tỷ lệ giảng viên có trình độ trên ĐH chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề đào tạo	51,61%	65%	70%
7	Tỷ lệ cán bộ diện quy hoạch được cử đi đào tạo bồi dưỡng theo quy định	100%	100%	100%
8	Tỷ lệ giảng viên có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 (B1 hoặc tương đương) trở lên.	22,58%	45%	50%
9	Tỷ lệ nhà giáo có chứng chỉ dạy thực hành trình độ CĐ hoặc văn bằng, chứng chỉ tương đương	70,96 %	75%	80%
10	Tỷ lệ giảng viên có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn	100%	100%	100%
11	Tỷ lệ nhà giáo được bồi dưỡng công nghệ mới thuộc ngành nghề giảng dạy	10%	30%	50%

Giải pháp

Thu hút được đội ngũ chuyên gia, các nhà giáo có trình độ, có tay nghề và kinh nghiệm trong quản lý, đào tạo, nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu và làm nòng cốt chuyên môn của Nhà trường.

Kết hợp tuyển dụng giảng viên trẻ có năng lực, đáp ứng định hướng ngành nghề sẽ mở để cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ với tiếp nhận giảng viên có trình độ và kinh nghiệm đào tạo từ các cơ sở giáo dục khác.

Có chính sách thu hút về tài chính và cơ hội phát triển, nhất là giảng viên trẻ có trình độ, có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5, chứng chỉ kỹ năng nghề quốc tế hoặc làm chuyên gia trong chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo của Nhà trường bằng điều kiện và môi trường làm việc, cơ hội thăng tiến.

Chú trọng công tác đào tạo đội ngũ giảng viên giảng dạy chuyên môn đặc biệt là giảng dạy các nghề trọng điểm để đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1 hoặc tương đương) trở lên.

Xây dựng Đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn khung năng lực của từng vị trí việc làm theo hướng tinh giản, hiệu quả và đảm bảo quy định của pháp luật.

Tuyển dụng người làm việc đảm bảo chuẩn hóa tiêu chuẩn, điều kiện đáp ứng các vị trí việc làm theo Đề án vị trí việc làm đáp ứng cơ cấu và quy mô đào tạo của Nhà trường.

Đảm bảo đủ đội ngũ giảng viên các ngành đào tạo truyền thống và có kế hoạch chuẩn bị đội ngũ giảng viên cho một số ngành sẽ mở đào tạo trong tương lai gần (ngôn ngữ, kinh tế, chăm sóc sắc đẹp...)

Đẩy mạng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý công việc của cán bộ, viên chức, người lao động các phòng, ban, trung tâm nhằm nâng cao hiệu quả công việc đồng thời tinh giản đội ngũ lao động khối hành chính.

Phân chia nguồn thu nhập tăng thêm theo hiệu quả hoạt động của đơn vị, không theo số người để hạn chế việc phát sinh nhân sự. Hạn chế việc tuyển dụng nhân sự tại các phòng, trung tâm. Giảm đội ngũ lao động do chuyển đội ngũ này về các đơn vị tự chủ, tự hạch toán (không tính vào số nhân sự của trường).

5.4. Chiến lược về người học

Mục tiêu

Học sinh, sinh viên (HSSV) là nhân vật trung tâm của Nhà trường, mọi hoạt động đều hướng về HSSV; tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để HSSV toàn tâm toàn ý chủ động và tự tin học tập tốt. HSSV phải được phát triển toàn diện về Đức – Trí – Thể - Mỹ để sau khi tốt nghiệp mỗi người học có năng lực

kỹ thuật vững vàng, một thể chất khoẻ mạnh, một tinh thần trong sáng, có việc làm hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu thị trường lao động trong nước và quốc tế. Phải thu hút được người học vào trường ngày càng đông với bằng việc phát triển các CTĐT có chất lượng, các CTĐT được kiểm định theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực.

Giải pháp

Không ngừng đổi mới nội dung, hình thức tổ chức công tác quản lý HSSV. HSSV được đối xử bình đẳng, được tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi trong thời gian học tập và rèn luyện tại trường.

Hằng năm tổ chức các Hội nghị đối thoại giữa Ban giám hiệu Nhà trường với người học nhằm nắm bắt tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của người học trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường, nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ đào tạo.

100% HSSV được giới thiệu việc làm trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp đảm bảo có việc làm trong vòng 3 ÷ 6 tháng sau khi tốt nghiệp; trong đó trên 90% HSSV các nghề trọng điểm làm việc đúng theo nghề đào tạo và trên 90% HSSV các nghề hệ CĐ, TC tốt nghiệp có việc làm phù hợp với nghề được đào tạo trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Tăng cường hoạt động NCKH trong sinh viên, tạo các điều kiện cần thiết để HSSV tham gia NCKH, phát huy tính chủ động, sáng tạo của tuổi trẻ; khuyến khích HSSV tham gia các hoạt động khởi nghiệp; tăng cường thời lượng dạy kỹ năng mềm cho HSSV đảm bảo sau khi tốt nghiệp HSSV có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, có bản lĩnh, năng động, sáng tạo đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, có khả năng tự tạo việc làm, khởi nghiệp và tự học nâng cao trình độ.

Đảm bảo đủ các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động ngoại khóa của người học. Thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động phong trào, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao để thu hút đông đảo HSSV tham gia.

Tổ chức các Câu lạc bộ chuyên môn tạo điều kiện và môi trường khuyến khích HSSV nghiên cứu, rèn luyện. Tạo môi trường, đầu tư trang bị tạo điều kiện cho các câu lạc bộ HSSV hoạt động.

Đẩy mạnh công tác thông tin về thị trường lao động, hỗ trợ tư vấn và giới thiệu việc làm cho HSSV. Mở rộng quan hệ và đa dạng hóa cả về đối tác lẫn nội

dung và hình thức hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhằm thực hiện các mục tiêu chính sau: Giới thiệu việc làm cho sinh viên, giới thiệu cơ sở thực tập cho sinh viên, liên kết đào tạo thực hành kết hợp sản xuất, tổ chức đào tạo cung ứng lao động theo đơn đặt hàng, tổ chức liên kết đào tạo theo đơn đặt hàng, tổ chức gia công, sản xuất theo đơn đặt hàng, đào tạo xuất khẩu lao động.

Tạo điều kiện và khuyến khích HSSV tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên và quảng bá hình ảnh nhà trường tới các doanh nghiệp và cộng đồng xã hội.

Thực hiện khảo sát các doanh nghiệp có HSSV vừa tốt nghiệp trong vòng 12 tháng đang làm việc. Hằng năm tổ chức khảo sát nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp và nhu cầu việc làm theo từng ngành nghề lĩnh vực của người học.

Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm, đối thoại trao đổi giữa Nhà trường với doanh nghiệp nhằm tăng cường, nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong lĩnh vực liên kết đào tạo sản xuất và cung ứng nguồn nhân lực.

Tăng cường các hoạt động gặp gỡ, tọa đàm, xây dựng mạng lưới, trao đổi thông tin giữa Nhà trường và cựu HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp với HSSV chuẩn bị tốt nghiệp nhằm cập nhật thông tin doanh nghiệp, tình hình việc làm của HSSV đã tốt nghiệp, cung cấp thông tin làm cơ sở và kinh nghiệm cho những HSSV khóa sau.

Định kỳ phối hợp với các công ty tuyển dụng tổ chức các buổi tư vấn, hướng nghiệp, phiên giao dịch việc làm và ngày hội việc làm cho người học để tạo điều kiện cơ hội việc làm cho HSSV và tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tuyển dụng.

5.5. Chiến lược phát triển khoa học, ứng dụng công nghệ

Mục tiêu

Xây dựng Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội thành một trung tâm Nghiên cứu - Ứng dụng công nghệ - Chuyển giao khoa học – Khởi nghiệp sáng tạo, có uy tín và tin cậy có đủ khả năng tiếp cận và phát triển các công nghệ tiên tiến, giải quyết các vấn đề bức xúc do thực tiễn sản xuất của đất nước đặt ra. Nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ và dịch vụ đạt tối thiểu 10% tổng thu của trường vào năm 2025, 20% tổng thu của trường vào năm 2030".

Chỉ tiêu cụ thể:

TT	Nội dung thực hiện	Chỉ tiêu cụ thể	
		Giai đoạn 2023-2025	**Giai đoaạn 2025-2030**
1	Tổ chức Hội thảo quốc gia/ quốc tế	02	04
2	Hội thảo KH cấp ngành/ khu vực	01	02
3	Hình thành nhóm nghiên cứu mạnh	2	5
4	Tỷ lệ giảng viên có công trình công bố trên các tạp chí chuyên ngành/ kỷ yếu hội thảo quốc gia.	100%	120%
5	Số lượng giảng viên công bố bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học	05	10
6	Số lượng đề tài NCKH hằng năm có kết hợp với doanh nghiệp	02	04
7	Số lượng đề tài NCKH trong nhà trường hằng năm	15	20
8	Số lượng sáng kiến sáng tạo cấp thành phố	03	06

Giải pháp

Nâng cao nhận thức về vai trò và ý nghĩa của nghiên cứu khoa học; năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong Nhà trường. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ người học khởi nghiệp, gia nhập vào thị trường lao động.

Chú trọng phát triển các sản phẩm ứng dụng, có giá trị thương mại; các sản phẩm khoa học, công nghệ được đăng ký sở hữu trí tuệ.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học công nghệ, có chính sách, quy hoạch, kế hoạch và các chương trình, dự án trọng điểm cụ thể. Ứng dụng công nghệ cao trong một số ngành trọng điểm: Điện – Điện tử, Công nghệ Thông tin, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Điện công nghiệp, Tự động hóa công nghiệp. Gắn hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của nhà trường. Phấn đấu xây dựng mục tiêu "công nghệ xanh" trong quá trình nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Đổi mới căn bản hệ thống và cơ chế quản lý khoa học và công nghệ theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường đặc thù của Hà Nội. Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, đảm bảo nghiên cứu, tiếp thu, ứng dụng, làm chủ và phát triển công nghệ tiên tiến, đạt trình độ trung bình khá của khu vực.

Xây dựng cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ: Các Trung tâm Nghiên cứu Chuyển giao công nghệ, Thành lập các Công ty, doanh nghiệp Công nghệ cao thuộc các lĩnh vực trọng tâm đặt tại nhà trường. Xây dựng và đầu tư một số phòng thực hành, thí nghiệm hiện đại thuộc chuyên ngành mũi nhọn, hứa hẹn triển vọng phục vụ nghiên cứu ứng dụng cũng như hợp tác quốc tế. Xây dựng nhà trường thông minh, số hóa đồng bộ ở các đơn vị, các lĩnh vực, các khâu từ quản lý đến giảng dạy nhằm mục đích xây dựng nhà trường chất lượng cao

Gắn hoạt động đào tạo với chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu khoa học, gắn kết việc nghiên cứu khoa học với nhu cầu của doanh nghiệp.

Nghiên cứu xây dựng, cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện đối với các nhóm thực hiện đề tài khoa học công nghệ. Thu hút các cán bộ kỹ thuật có trình độ cao ngoài trường tham gia và hướng dẫn nghiên cứu, chuyển giao.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý khoa học công nghệ theo định hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính, thanh quyết toán, thúc đẩy quá trình thực hiện cơ chế khoán đến sản phẩm khoa học cuối cùng để tạo điều kiện và động lực cho cán bộ, HSSV tham gia.

Thực hiện cơ chế đặt hàng và tuyển chọn đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tạo điều kiện để nhà khoa học có năng lực được cống hiến và phát triển. Lựa chọn và đăng ký các đề tài phục vụ thiết thực hoạt động đào tạo của nhà trường và chương trình phát triển khoa học công nghệ của Thành phố.

Tăng cường liên kết, hợp tác với doanh nghiệp để nhận các đặt hàng sản xuất, nghiên cứu cũng như khai thác các cơ sở thiết bị, công nghệ mới hiện đại trong sản xuất.

Phát triển hợp tác quốc tế trong nghiên cứu ứng dụng. Huy động mạnh mẽ nguồn vốn xã hội và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ.

5.6. Chiến lược phát triển về tài chính

Mục tiêu

Đổi mới phương thức quản lý nhằm đa dạng hóa nguồn thu, sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính. Đảm bảo tài chính mạnh và chủ động, thu nhập của cán bộ giáo viên thuộc nhóm những trường có thu nhập cao tại khu vực Hà Nội.

Đến 2025	Đến 2030
Các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp đạt tối thiểu 100% tổng chi thường xuyên của nhà trường hàng năm.	Các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp đạt tối thiểu 150% tổng chi thường xuyên của nhà trường hàng năm.

Giải pháp

Chủ động đa dạng hóa nguồn thu từ đào tạo, dịch vụ khoa học, sản phẩm khoa học, hợp tác quốc tế, hỗ trợ có mục tiêu của doanh nghiệp.

Huy động nguồn vốn từ cán bộ, viên chức đóng góp cho sự phát triển nhà trường. Kêu gọi các nguồn kinh phí ngoài nhà nước, nguồn đầu tư của nước ngoài và của các tổ chức quốc tế.

Sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính, đảm bảo tài chính mạnh và chủ động.

Tăng nguồn thu từ ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp.

Hoàn thành xây dựng và được UBND Thành phố phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết.

Cụ thể:

* *Nguồn thu từ ngân sách nhà nước:* tăng nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước thông qua hoạt động đào tạo và các hoạt động khác như:

- Kinh phí hoạt động không thường xuyên (thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao);
- Kinh phí thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ;
- Kinh phí thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức.
- Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do các cơ quan nhà nước đặt hàng hoặc thực hiện nhiệm vụ đột xuất do cấp có thẩm quyền giao;
- Kinh phí biên soạn giáo trình.

- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao hàng năm;

- Vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

** Nguồn thu sự nghiệp:*

- Thu học phí: đề xuất điều chỉnh mức thu học phí các hệ đào tạo trong trường theo từng năm học và từng ngành nghề đào tạo, đẩy mạnh các nguồn thu học phí cụ thể là: tập trung phát triển các ngành đào tạo phù hợp với đòi hỏi thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Hà Nội và của các tỉnh, thành phố, như công nghệ cao phục vụ sản xuất, phục vụ phát triển nông nghiệp và phải có giải pháp để thu hút sinh viên vào trường học.

- Thu từ nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phấn đấu đạt 10% trên tổng thu của trường vào năm 2025, và 30% tổng thu của trường vào năm 2030, cụ thể:

+ Thúc đẩy hoạt động hợp tác: Đa phương hoá, đa dạng hoá loại hình hợp tác, tăng cường hội nhập khu vực và quốc tế. Đổi mới cơ chế hợp tác quốc tế, mở rộng quyền tự chủ, có cơ chế chính sách khuyến khích các đơn vị và cá nhân về hợp tác quốc tế trong khuôn khổ luật pháp.

+ Tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức phi chính phủ, và Ngân hàng thế giới (WB) trong việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án, trong việc cấp học bổng cho sinh viên đến học các ngành đào tạo chương trình quốc tế của trường và tranh thủ sự hỗ trợ về nguồn vốn đầu tư.

- Thu từ hoạt động đào tạo ngắn hạn: Nhà trường phải đa dạng hóa loại hình và hình thức đào tạo: đào tạo tập chung, đào tạo ngắn hạn, đào tạo bồi dưỡng theo nhu cầu và phải có cơ chế chính sách tài chính khuyến khích các đơn vị và cá nhân về đào tạo để tăng nguồn thu cho trường và người lao động;

- Tiền thu từ các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thực hành tại các xưởng thực hành, sản phẩm thí nghiệm… từ các hoạt động cung ứng dịch vụ gắn với hoạt động của đơn vị, khai thác cơ sở vật chất: Nhà trường xây dựng cơ chế tài chính về các hoạt động để khuyến kích phát triển các hoạt động dịch vụ của các đơn vị phòng ban trong nhà trường để tăng nguồn thu cho trường và đồng thời tăng nguồn thu nhập cho cán bộ giáo viên nhà trường.

- Nguồn vốn viện trợ, quà biếu, tặng, cho theo quy định của pháp luật.

- Nguồn thu khác

+ Nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng và vốn huy động của cán bộ, viên chức trong đơn vị.

+ Nguồn vốn tham gia liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Dự kiến nguồn thu:

Đơn vị: tỷ đồng

Kinh phí	**Năm**	
	2025	**2030**
Tổng thu từ các nguồn	50	100

5.7. Chiến lược phát triển công nghệ thông tin

Mục tiêu

Phát triển nhanh công nghệ thông tin trong giảng dạy, nghiên cứu, khai thác, ứng dụng công nghệ và các tiến bộ khoa học kỹ thuật, hiện đại hóa công tác quản lý Nhà trường đáp ứng yêu cầu của một trường cao đẳng chất lượng cao.

Giải pháp

Xây dựng qui chế phù hợp để tạo điều kiện, khuyến khích và bắt buộc cho cán bộ, nhà giáo, VCLĐ và HSSV hưởng ứng tham gia tích cực đẩy nhanh sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, nghiên cứu, khai thác, ứng dụng công nghệ và các tiến bộ khoa học kỹ thuật và quản lý.

Tập trung đầu tư cho Khoa CNTT, Trung tâm ứng dụng công nghệ và Khởi nghiệp sáng tạo trực thuộc Khoa CNTT những nguồn lực cần thiết, tạo quyền chủ động lập kế hoạch làm việc trực tiếp và triển khai công nghệ thông tin vào các khâu giảng dạy, nghiên cứu khai thác, ứng dụng công nghệ và các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác của từng đơn vị trong Nhà trường.

Thực hiện xây dựng đề án công nghệ dạy học trực tuyến và trường học điện tử, thư viện điện tử; xây dựng hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS-Learning Management System); nâng cấp hệ thống internet không dây trong toàn trường; nâng cấp trang web của trường.

Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT; tăng cường trang bị máy tính cho các phòng học chuyên tin học; sử dụng các phương tiện truyền thông tốc độ cao, đa dịch vụ; xây dựng hệ thống mạng nội bộ bảo đảm hiện đại, liên kết hệ thống thông tin nội bộ với Bộ và các cơ quan, đơn vị thuộc trong cả nước với công nghệ hiện đại, bảo đảm an toàn và bảo mật.

Áp dụng triệt để ứng dụng CNTT, các phần mềm trong công tác quản lý, điều hành. Thường xuyên đổi mới và cập nhật các công nghệ cao, tiên tiến của CNTT và truyền thông trong đào tạo và quản lý.

5.8. Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế

Mục tiêu

Mở rộng hợp tác quốc tế để trao đổi và học hỏi kinh nghiệm của các nước, đặc biệt là các nước thành công trong việc phát triển giáo dục nghề nghiệp; nâng cao hiệu quả hợp tác với các nước phát triển, các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh ký kết hợp tác, liên kết đào tạo với các đối tác quốc tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam trong việc hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, học sinh, sinh viên nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, hướng tới tiếp cận và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quản lý và đào tạo theo chương trình của các nước phát triển, qua đó để tiếp nhận, chia sẻ tài nguyên và kinh nghiệm phát triển, hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Chỉ tiêu cụ thể

TT	Nội dung thực hiện	Chỉ tiêu cụ thể	
		Giai đoạn 2023-2025	Giai đoạn 2025-2025
1	Ký kết với các doanh nghiệp, các tổ chức đào tạo có uy tín trong và ngoài nước	20	50
2	Tổ chức và tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế	03	05
3	Đón đoàn đại biểu quốc tế đến làm việc, thăm quan tại trường	06	08
4	Xây dựng chương trình đào tạo theo hướng chuẩn quốc tế	01	03

Giải pháp

Đẩy mạnh công tác đối ngoại, liên kết đào tạo quốc tế, tăng cường hợp tác góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Nhà trường. Tăng cường hợp tác song phương với các cơ sở đào tạo nước ngoài (tập trung vào các nước Mỹ, Anh, Đức, Nhật Bản và Hàn Quốc).

Đa phương hoá, đa dạng hoá các loại hình hợp tác, tăng cường hội nhập quốc tế và khu vực. Tăng cường hợp tác, tiếp nhận chuyển giao chương trình, giáo trình, học liệu, phương pháp giảng dạy và học tập; trao đổi giáo viên, giảng viên, học sinh sinh viên, chuyên gia quốc tế góp phần nâng cao ảnh hưởng, vị thế, uy tín của Nhà trường, đồng thời tận dụng được các nguồn lực từ bên ngoài Trường.

Tích cực tham gia mạng lưới nghiên cứu quốc tế, tham gia vào một số chương trình, đề án nghiên cứu chung với các tổ chức nước ngoài. Chủ động mời các tổ chức nước ngoài và các nhà khoa học quốc tế tham gia vào các đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của mình để từ đó học hỏi và đào tạo cán bộ nghiên cứu trình độ cao.

Đổi mới cơ chế hợp tác quốc tế nhằm khuyến khích các cá nhân, đơn vị, tập thể khoa học chủ động tạo dựng quan hệ hợp tác khoa học - đào tạo với đối tác nước ngoài. Cử cán bộ đi đến làm việc tại các cơ quan nghiên cứu của nước ngoài với tư cách là thành viên của nhóm nghiên cứu trong các dự án liên kết, cử sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp nước ngoài hoặc tiếp nhận sinh viên quốc tế thực tập, tham quan cơ sở đào tạo, hợp tác quốc tế do nước ngoài chủ trì và tài trợ.

Thí điểm dạy và học bằng tiếng Anh cho trong trường bằng cách sử dụng một số chương trình đào tạo, giáo trình tiên tiến, hiện đại đang được giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nước ngoài phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam.

Tranh thủ sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế (chính phủ và phi chính phủ, doanh nghiệp) về trí tuệ và nguồn vốn, nhất là vốn ODA cho đầu tư các phòng thí nghiệm hiện đại.

Hợp tác xây dựng các trung tâm ngôn ngữ, đánh giá quốc tế, trung tâm đào tạo hợp tác quốc tế.

Tích cực tham gia tham gia các hoạt động quốc tế về giáo dục nghề nghiệp, các cuộc thi, tổ chức, diễn đàn, hiệp hội khu vực, quốc tế về giáo dục

nghề nghiệp và chủ động đăng cai tổ chức các hội thảo, kỳ thi kỹ năng nghề quốc tế ở Việt Nam.

Đa dạng hóa các hoạt động giao lưu văn hóa, thể dục thể thao giữa học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực và quốc tế.

5.9. Chiến lược Đảm bảo chất lượng

Mục tiêu

Xây dựng hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường. Rà soát và cải tiến tất cả các hoạt động của Trường theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN của Bộ Lao động thương binh và Xã hội. Thực hiện đánh giá ngoài cơ sở GDNN và các chương trình đào tạo tạo bước chuyển biến tích cực trong công tác đảm bảo chất lượng trong Trường Cao đẳng điện tử - Điện lạnh Hà Nội. Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong Nhà trường trở thành yếu tố cốt lõi để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Các chỉ số ĐBCL cốt lõi của Trường đạt chuẩn của Trường chất lượng cao:

Đến 2025	Đến 2030
Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN do các tổ chức có uy tín kiểm định và công nhận.	Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định Trường chất lượng cao do các tổ chức có uy tín kiểm định và công nhận.
01 CTĐT nghề trọng điểm cấp Quốc gia – Nghề CNKT điện, điện tử trình độ Cao đẳng đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.	100% các nghề đào tạo được thực hiện tự đánh giá bên trong; 80% nghề trọng điểm được các tổ chức giáo dục có uy tín quốc tế công nhận văn bằng, chứng chỉ.
Hệ thống, quy trình đảm bảo chất lượng đào tạo trong Nhà trường được xây dựng theo quy định và triển khai có hiệu quả	Vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Nhà trường đạt hiệu quả; không ngừng đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng.
Thí điểm đào tạo một số CTĐT nghề cao đẳng chất lượng cao được các tổ	70% CTĐT nghề chất lượng cao được các tổ chức giáo dục có uy tín quốc tế

chức giáo dục có uy tín quốc tế công nhận văn bằng, chứng chỉ.	công nhận văn bằng, chứng chỉ.

Giải pháp

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của cán bộ, nhà giáo, VCLLĐ và người học về công tác đảm bảo chất lượng GDNN, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên trong triển khai tổ chức các hoạt động theo từng năm học.

Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể tích cực kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác đảm bảo chất lượng tại đơn vị. Chú ý việc lưu trữ và sắp xếp hệ thống minh chứng. Phòng Khảo thí, ĐBCL và Thanh tra kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác ĐBCL tại các đơn vị.

Xây dựng kế hoạch đầu tư các nguồn lực cho việc đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn nhằm duy trì, củng cố và phát triển hệ thống tổ chức đảm bảo chất lượng, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện công tác tự đánh giá bên trong và kiểm định ngoài chất lượng cơ sở GDNN và chương trình đào tạo, đầu tư cải tiến nâng cao chất lượng theo kế hoạch hoạt động sau kiểm định và đánh giá ngoài.

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường theo quy định và triển khai có hiệu quả; không ngừng đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng để nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống.

Thường xuyên tự đánh giá, kiểm tra chất lượng bằng nhiều phương pháp, nhiều nguồn thông tin để có giải pháp điều chỉnh cho thích hợp nhằm mục đích liên tục nâng cao chất lượng đào tạo.

Áp dụng nguyên tắc đánh giá chéo và đánh giá từ bên thứ ba cho các bài kiểm thi kết thúc môn học/mô đun, đảm bảo khách quan, công bằng cho người học. Tổ chức nghiên cứu lần theo dấu vết học sinh/sinh viên tốt nghiệp.

Tăng cường tự đào tạo, tham dự tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng GDNN. Tiếp cận, nghiên cứu áp dụng các công cụ đánh giá quốc tế: Hội đồng Anh, AFD – Pháp, GIZ – Đức và Học viện Chisholm – Úc.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2023-2030

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
1. Chiến lược phát triển đào tạo						
1.1. Xây dựng, chỉnh lý chương trình đào tạo bám sát sự phát triển của khoa học - công nghệ và thực tiễn nghề nghiệp; tăng cường ứng dụng CNTT&TT đổi mới phương pháp giảng dạy; đổi mới phương thức đào tạo theo hướng đào tạo linh hoạt; tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp vào hoạt động giảng dạy	2023	BGH Phòng QL đào tạo và các khoa	Các phòng chức năng	- Chỉnh lý các chương trình đào tạo đảm bảo tối đa 3 năm/lần. - Xây dựng các chương trình đào tạo mới phù hợp thực tiễn - Tổ chức hội thảo đổi mới PP giảng dạy; Xây dựng các bài giảng trực tuyến. - Tiếp tục hoàn thiện quy trình đào tạo theo tích lũy mô đun/ tín chỉ - Mở rộng ký kết hợp tác đào tạo với doanh nghiệp - Tiếp tục đẩy mạnh đưa HSSV đi học tập tại doanh nghiệp. Tăng cường sự phối hợp của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo.	- Báo cáo tổng kết hàng năm	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
1.2. Đẩy mạnh hoạt động tuyển sinh theo hướng tăng quy mô đào tạo, đa dạng các trình độ và loại hình đào tạo, mở thêm ngành nghề mới	2023 - 2028	BGH Phòng QL đào tạo và các khoa	Các phòng chức năng	- Xây dựng các chương trình đào tạo mới phù hợp xu thế phát triển của xã hội - Tăng cường đầu tư cho hoạt động tuyên truyền tuyển sinh để tăng quy mô đầu vào - Đầu tư cơ sở vật chất và đội ngũ nhà giáo phục vụ nhu cầu đào tạo - Mở đủ 25 nghề trình độ CĐ, TC - Đào tạo các lớp theo đặt hàng của doanh nghiệp - Mở rộng loại hình đào tạo hệ 9+; đào tạo liên thông cao đẳng, đại học. - Qui mô đào tạo + Năm 2023: 2000 học sinh, sinh viên + Năm 2024: 3000 học sinh, sinh viên + Năm 2025: 4500 học sinh, sinh viên	- Báo cáo tổng kết hàng năm - Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
1.3. Đào tạo các chương trình chất lượng cao, các các chương trình theo chuẩn quốc tế	2023-2030	BGH Phòng đào tạo và các khoa	Các phòng chức năng	- Tập trung nguồn lực đào tạo các ngành nghề trọng điểm cấp quốc gia, khu vực và quốc tế - Tổ chức đào tạo các lớp chất lượng cao đối với các ngành nghề: Điện công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK; Công nghệ thông tin. - Tăng cường năng lực sử dụng ngoại ngữ, tin học của đội ngũ nhà giáo - Năm 2025: đào tạo thí điểm 03 nghề đạt chuẩn quốc tế - Năm 2030: đào tạo 05 nghề đạt chuẩn quốc tế, được các tổ chức kiểm định quốc tế công nhận.	- Báo cáo tổng kết hàng năm - Báo cáo thực hiện đào tạo nghề trọng điểm	Kinh phí thường xuyên, kinh phí đào tạo nghề trọng điểm, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ, tài trợ từ doanh nghiệp…
1.4. Tổ chức các chương trình liên kết đào tạo với một số trường đại học, cao đẳng trong	2023 - 2030	BGH Phòng QL đào	Các phòng chức	- Tổ chức chương trình liên kết đào tạo với một số trường cao đẳng khu vực Hà Nội và các tỉnh lân cận	- Báo cáo tổng kết năm. - Báo cáo tổng	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
và ngoài nước; tổ chức liên kết đào tạo, đào tạo lại cho lực lượng lao động tại các doanh nghiệp.		tạo, Khoa GDĐC, các khoa	năng và các khoa	nhằm tạo điều kiện đi lại cho người học. - Tổ đào tạo, đào tạo lại cho lực lượng lao động theo đặt hàng của các doanh nghiệp - Phát triển hợp tác với các trường ĐH của Mỹ, Hàn Quốc, Anh, Đức, Đài Loan… - Tổ chức được ít nhất 02 chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài.	kết hàng năm về HTQT	phí, các hoạt động dịch vụ khác
2. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất						
2.1. Cải tạo, sửa chữa, cơ sở vật chất, các phòng, xưởng thực hành; mua sắm, nâng cấp trang thiết bị hiện đại các phòng học lý thuyết đảm bảo tốt các điều kiện giảng dạy.	2023	BGH, phòng QT, TCKT	Phòng chức năng, khoa	- Hàng năm phân bổ kinh phí cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, các phòng, xưởng thực hành, đặc biệt đối với các ngành nghề trọng điểm. - Đầu tư bổ sung hệ thống máy tính, máy chiếu, âm thanh các phòng học, đảm bảo 100% phòng học lý thuyết và thực hành đều có	Báo cáo tổng kết năm Báo cáo xâydựng CSVC	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác, vay.

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
				máy chiếu phục vụ giảng dạy - Hoàn thành xây dựng thư viện điện tử và tham gia mạng lưới các thư viện trong nước.		
2.2. Hoàn thiện xây dựng nhà học đa năng và xưởng thực hành, bô sung đủ hệ thống phòng học, xưởng thực hành đảm bảo quy mô đào tạo	2025	BGH, phòng QT, TCKT	Phòng chức năng, khoa	- Hoàn thành bàn giao cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thực hành từ chủ đầu tư. - Phân bổ các phòng thực hành cho các khoa chuyên môn đảm bảo nhu cầu học tập	Báo cáo tổng kết năm Báo cáo xây dựng CSVC	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác, vay.
2.3. Bổ sung thiết bị giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo hướng đồng bộ, thiết thực, hiện đại; đảm bảo trang thiết bị giảng dạy theo tiêu chuẩn của các nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế.	2023-2030	BGH, phòng QT, TCKT	Phòng chức năng, khoa	- Hàng năm đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị giảng dạy phù hợp sự phát triển của khoa học, công nghệ; tập trung đầu tư thiết bị cho các ngành nghề trọng điểm - Xây dựng thêm các phòng thực hành cho các nghề mới mở. - Xây dựng hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin; đảm bảo 100% các phòng học có máy chiếu, máy tính	Báo cáo tổng kết năm Báo cáo xây dựng CSVC	Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ, tài trợ.

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
				nối mạng để có thể dạy học trực tuyến. - Năm 2025 xây dựng cơ sở vật chất cho 03 nghề đạt chuẩn quốc tế - Năm 2030 xây dựng cơ sở vật chất thêm 05 nghề đạt chuẩn quốc tế		
2.4. Mở rộng diện tích đất sử dụng, đảm bảo yêu cầu của sự phát triển về quy mô đào tạo	2023-2030	BGH, phòng QT, TCKT	Phòng chức năng, khoa	- Báo cáo UBND Thành phố Hà Nội để đầu tư thêm cơ sở 2 cho trường (hoặc sáp nhập trường trung cấp vào trường) để tăng diện tích sử dụng đất phục vụ đào tạo. Đảm bảo diện tích đất tối thiểu 05 ha	Báo cáo tổng kết năm Báo cáo xây dựng CSVC	Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ, tài trợ.
3. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực						
3.1. Kiện toàn tổ chức bộ máy theo Quy chế tổ chức hoạt động và Đề án vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	2023-2025	BGH P.TC-HC	Các Phòng/ Khoa, TT	- Tổ chức sắp xếp lại các đơn vị cho phù hợp với sự phát triển mới - Hoàn thiện chức năng nhiệm vụ, quy chế làm việc và phối hợp giữa các đơn vị.	- Nghị quyết đảng bộ - Nghị quyết của Hội đồng Trường	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
				- Xây dựng chức trách, nhiệm vụ cho từng chức danh, vị trí công tác của cán CB,VCLĐ - Bổ sung, kiện toàn đủ số lượng cán bộ quản lý các cấp.	- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường - Đề án vị trí việc làm	khác
3.2. Xây dựng quy chế phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc	2023-2025	BGH P.TC-HC	Các phòng khoa, TT	- Xây dựng qui chế phân cấp, uỷ quyền cho các cấp - Xây dựng một số đơn vị hoạt động dịch vụ, hạch toán độc lập	- Phân công nhiệm vụ cho CB, VC, LĐ. - Văn bản quy định về quy chế phối hợp, phân cấp quản lý.	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác
3.3 Tuyển dụng, bổ sung đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, điều kiện, tiêu chuẩn giảng dạy theo quy định của Bộ LĐTBXH	2023-2030	BGH, P.TC-HC Quản lý ĐT	Các phòng khoa, TT	- Thường xuyên đánh giá toàn diện chất lượng đội ngũ so với với tiêu chuẩn, nhiệm vụ và yêu cầu phát triển nhà trường. - Xây dựng cơ chế, chính sách để duy trì, thu hút và phát triển đội	- Báo cáo tổng kết năm, Báo cáo của phòng TCHC, Quản lý ĐT	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
				ngũ CBGV từ nhiều nguồn khác nhau - Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ nhà giáo và CBQL		
3.4 Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý	2023-2030	BGH, P.QLĐT	Các Khoa, TT	- Thường xuyên đánh giá toàn diện chất lượng đội ngũ so với với tiêu chuẩn, nhiệm vụ và yêu cầu phát triển nhà trường - Đánh giá chất lượng cán bộ quản lý các cấp; bồi dưỡng cán bộ trẻ; thực hiện tốt công tác qui hoạch cán bộ - Xây dựng cơ chế chính sách nhằm thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL. - Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ nhà giáo		

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
				và CBQL - Đến năm 2025: 100% cán bộ quản lý các cấp có trình độ thạc sĩ trở lên, được đào tạo cơ bản về quản lý, thành thạo tin học văn phòng và 30% có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh - Đến năm 2025: Tỷ lệ giảng viên /HSSV là: 1/25 - Năm 2025: giảng viên có trình độ sau đại học đạt trên 80%, 75% nhà giáo đáp ứng yêu cầu dạy tích hợp; 70% giáo viên có trình độ thạc sỹ chuyên ngành; 45% nhà giáo có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 hoặc tương đương. - Năm 2030: giảng viên có trình độ sau đại học đạt trên 90%, trong đó 5% là tiến sĩ. - 80% nhà giáo đáp ứng yêu cầu		

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
				dạy tích hợp; 75% giáo viên có trình độ thạc sỹ chuyên ngành; 50% nhà giáo có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 hoặc tương đương		
3.4. Nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ nhà giáo	2023-2030	BGH, P.TC-HC P.QLĐT	Các phòng, khoa, TT	- Có cơ chế, chính sách nhằm thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học giỏi từ các nguồn - Bồi dưỡng CBGV về năng lực nghiên cứu và chuyển giao CN trong cơ chế thị trường . - Giai đoạn 2023-2025: 100% giảng viên có đề tài NCKH cấp trường, 10% giảng viên tham gia đề tài cấp thành phố. - Giai đoạn 2025-2030: 100% giảng viên tham gia đề tài NCKH cấp trường, 15% giảng viên tham gia đề tài cấp thành phố, cấp Bộ; có dự án nghiên cứu hoặc bài báo		

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
				đăng trên các tạp chí chuyên ngành, tối thiểu 03 công trình công bố/ năm.		
4. Chiến lược về người học						
4.1. Hoàn thiện quy định về công tác HSSV trên cơ sở Quy chế của Bộ LĐTB&XH	2023-2025	BGH Phòng QLĐT Ban QL KTX	Các Phòng/ Khoa/TT	- Chỉnh sửa và hoàn thiện các quy chế HSSV, quy định về học tập, rèn luyện, NCKH,.., của HSSV. - Hàng năm cải taoj, nâng cấp CSVC KTX; Cải tiến tổ chức phục vụ căng tin, KTX; nâng cấp sân chơi, bãi tập, thiết chế văn hoá… đảm bảo điều kiện tốt về ăn, ở, sinh hoạt, học tập của HSSV	Báo cáo tổng kết năm Báo cáo của phòng QLĐT, phòng QT	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, nguồn thu KTX và các hoạt động dịch vụ khác
4.2. Xây dựng các câu lạc bộ trong học sinh, sinh viên; thiết lập cơ chế khuyến khích, thu hút học sinh, sinh viên giỏi ở lại trường công tác	2024 - 2030	BGH Phòng QLĐT Phòng TCHC, ĐTN	Các Phòng/ Khoa/TT	- Lập quĩ học bổng, quỹ khuyến học cho HSSV - Xây dựng quy chế tuyển chọn sinh viên giỏi, xuất sắc, sinh viên đạt giải cao trong các cuộc thi tay nghề cấp thành phố, quốc gia và quốc tế ở lại trường làm công tác	Báo cáo tổng kết năm Báo cáo của phòng QLĐT, Đoàn TN	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
				giảng dạy. - Thành lập các CLB trong HSSV; tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên tự tổ chức, tự quản các câu lạc bộ hiến máu nhân đạo, CLB chuyên môn, thể dục thể thao, các hoạt động ngoại khoá. - Thành lập các đội SV tự quản trong KTX, giữ gìn cảnh quan, môi trường ăn ở của HSSV khu KTX		
4.3. Thành lập trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp cho HSSV	2024	BGH Phòng QLĐT Phòng TCHC, ĐTN	Các Phòng/ Khoa/TT, HSSV	- Xây dựng quy định, quy trình hỗ trợ HSSV khởi nghiệp sáng tạo - Là đầu mối giữa HSSV và các doanh nghiệp trọng hoạt động khởi nghiệp của HSSV - Thành lập trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp cho HSSV	Báo cáo tổng kết năm Báo cáo của phòng QLĐT, Đoàn TN	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác
4.4. Hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên	2023-2030	BGH Phòng QLĐT	Các Phòng/ Khoa/TT	- Hàng năm bổ sung các tài liệu giới thiệu về ngành nghề, chương trình đào tạo; phát triển các hoạt	Báo cáo tổng kết năm Báo cáo của phòng	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
		Các khoa chuyên môn ĐTN	Các GVCN	động hướng nghiệp, tư vấn nghề nghiệp - Tổ chức các ngày hội hướng nghiệp việc làm cho HSSV - Xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp và người học về việc làm và lao động. - Tăng cường quan hệ với doanh nghiệp, tiến hành ký kết các hợp đồng đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp.	QLĐT, ĐTN	phí, các hoạt động dịch vụ khác
4.5. Xây dựng cơ sở dự liệu về cựu HSSV và các đơn vị sử dụng HSSV của trường vào làm việc sau khi tốt nghiệp	2023-2030	BGH Phòng QLĐT Các khoa chuyên môn ĐTN	Các Khoa/TT GVCN	- Xây dựng CSDL về cựu HSSV; thiết lập CSDL về cựu HSSV là doanh nhân - Khảo sát, điều tra về tình hình việc làm và sự phát triển nghề nghiệp của HSSV sau khi tốt nghiệp - Thu thập thông tin từ HSSV, từ các đơn vị sử dụng lao động để cải	Báo cáo tổng kết năm Báo cáo của Phòng QLĐT, ĐTN	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác

CHIẾN LƯỢC/ HÀNH ĐỘNG	Thời gian (Bắt đầu Kết thúc)	TRÁCH NHIỆM		CHỈ SỐ THỰC HIỆN	NGUỒN TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	NGUỒN TÀI CHÍNH
		Chính	Phối hợp			
				tiến chương trình đào tạo của trường - Tận dụng các nguồn lực đóng góp, hỗ trợ của cựu HSSV, các đơn vị sử dụng lao động cho hoạt động đào tạo và sự phát triển Nhà trường.		
5. Chiến lược phát triển Khoa học Công nghệ						
5.1. Tập trung triển khai thực hiện các đề tài NCKH theo định hướng ứng dụng trong giảng dạy, học tập và quản lý, hướng đến chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm mô hình, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	2023-2030	BGH P.QLĐT	Các khoa, TT, HSSV	- Nghiên cứu nhu cầu thực tế, công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào việc chế tạo mô hình thiết bị dạy học tự làm - Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy; xây dựng các phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý của Trường. - Triển khai NCKH trong đội ngũ HSSV; tăng cường triển khai các đề	BCTK Năm Kết quả hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài Các báo cáo của phòng, khoa, TT	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác

				tài, dự án, đồ án trong SV - Đến năm 2025: Thu từ hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ chiếm 10% tổng thu của trường. - Đến năm 2030: Thu từ hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ chiếm 20% tổng thu của trường.		
5.2. Tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động NCKH; Đổi mới cơ chế quản lý, tăng cường thu hút giảng viên tham gia nghiên cứu, nâng cao năng lực và hiệu quả công tác NCKH trong đội ngũ nhà giáo và HSSV	2023-2030	BGH, P.QLĐT	Các Khoa, TT HSSV	- Giai đoạn 2023-2025: 90% giảng viên tham gia đề tài NCKH cấp trường, 10% giảng viên tham gia đề tài cấp thành phố. - Giai đoạn 2025-2030: 100% giảng viên tham gia đề tài NCKH cấp trường, 15% giảng viên tham gia đề tài cấp thành phố, cấp Bộ - 100% các đề tài khoa học nghiệm thu và được áp dụng vào thực tế.	BCTK năm Kết quả hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài Các báo cáo của phòng, Khoa, TT.	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác
5.3. Xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ	2025-2030	BGH, P.QLĐT	Các Khoa, TT	- Sử dụng hiệu quả các phòng học, thực hành phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học	BCTK năm Kết quả hội đồng đánh giá	Kinh phí thường xuyên, nguồn hỗ trợ

				- Giai đoạn 2025-2030: Xây dựng 01 trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và hỗ trợ khởi nghiệp	nghiệm thu đề tài Các báo cáo của phòng, Khoa, TT.	của doanh nghiệp, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác
5.4. Đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo khởi nghiệp, định hướng nghề nghiệp, phát triển NCKH trong sinh viên	2023-2030	BGH, P.QLĐT	Các Khoa, TT	- Giai đoạn 2023-2025: 05 đề tài NCKH sinh viên được nghiệm thu và ứng dụng thực tế. - Giai đoạn 2025-2030: 15 đề tài NCKH sinh viên được nghiệm thu và ứng dụng thực tế, 01 dự án sáng tạo khởi nghiệp.	BCTK năm Kết quả hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài Các báo cáo của phòng, Khoa, TT.	Kinh phí thường xuyên, nguồn hỗ trợ của doanh nghiệp, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác
6. Chiến lược phát triển nguồn tài chính và tiền lương						
6.1. Đa dạng hóa các nguồn thu của trường, đặc biệt từ dịch vụ khoa học công nghệ để tăng nguồn thu	2024-2030	BGH, phòng TCKT, KHCN	phòng Khoa, TT	- Đổi mới cơ chế tổ chức các hoạt động để khuyến khích và phát huy khả năng của VCLĐ toàn trường tham gia các hoạt động chung	Báo cáo tổng kết năm, Báo cáo tài chính hàng	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt

				- Đẩy mạnh hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, hoạt động phối hợp doanh nghiệp để tăng nguồn thu cho trường - Đa dạng các nguồn thu hợp pháp - Năm 2025: Tổng thu 50 tỷ đồng - Năm 2030: Tổng thu 100 tỷ đồng	năm	động dịch vụ khác
6.2. Xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách hợp lý cho các hoạt động chung của trường; thực hiện tiết kiệm chi phí sinh hoạt chung	2023-2030	BGH, phòng TCKT, TCHC	phòng Khoa, TT	- Xây dựng dự toán và kế hoạch tài chính hàng năm, phân bổ ngân sách cho các hoạt động chung của trường khoa học, hiệu quả - Chỉnh sửa quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm để phù hợp thực tiễn - Xây dựng các giải pháp tiết kiệm chi, phát động phong trào thực hành tiết kiệm trong đội ngũ VCLĐ	Báo cáo tổng kết năm; Báo cáo tài chính hàng năm; Qui chế chi tiêu nội bộ	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác
6.3. Duy trì và nâng cao thu nhập cho VCLĐ, quan tâm đội ngũ giảng viên giỏi	2023-2030	BGH, phòng TCHC, TCKT	Phòng, khoa, TT	- Đổi mới cơ cấu tiền lương, cách thức trả lương cho cán bộ giảng viên đảm bảo công bằng, khuyến khích nâng cao năng suất, chất lượng, giữ và thu hút được người giỏi - Có lộ trình tăng thu nhập tăng thêm cho VCLĐ.	Báo cáo tổng kết năm; Báo cáo tài chính hàng năm; Qui chế chi tiêu nội bộ	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác

7. Chiến lược phát triển Công nghệ thông tin						
7.1. Xây dựng cơ chế khuyến khích cán bộ, giảng viên, VCLĐ và HSSV tích cực ứng dụng CNTT&TT vào hoạt động quản lý, giảng dạy, học tập.	2023-2025	BGH, phòng QLĐT TCHC Khoa CNTT	Các đơn vị khác, HSSV	- Xây dựng qui chế, qui định phù hợp khuyến khích cán bộ, giảng viên, VCLĐ và HSSV nghiên cứu, ứng dụng CNTT&TT trong quản lý, giảng dạy, học tập. - Tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ, nhà giáo trong xây dựng bài giảng điện tử, kỹ năng ứng dụng CNTT trong giảng dạy, học tập trực tuyến. - Đầu tư về trang thiết bị, cơ sở hạ tầng CNTT cho các các đơn vị để triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin. - 100% phòng học và khu KTX kết nối mạng nội bộ và mạng Internet.	BCTK năm, Báo cáo của Phòng QLĐT, Khoa CNTT, TTUDCN&KNST	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác
7.2. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu và quản lý đáp ứng yêu cầu của một trường Cao đẳng chất lượng cao	2023-2030	BGH, phòng QLĐT TCHC TCKT Khoa	Các đơn vị khác	- Xây dựng, vận hành thư viện điện tử - Xây dựng hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS-Learning Management System); xây dựng bài giảng điện tử, giáo án điện tử;	BCTK năm, Báo cáo của các Phòng/ Khoa/TT	Kinh phí xin từ nguồn ngân sách

		CNTT		Đưa bài giảng các mô-đun/môn học lên hệ thống LMS phục vụ giảng dạy, học tập trực tuyến; Nghiên cứu triển khai đào tạo từ xa, dạy và học qua internet. - Hoàn thiện hệ thống phần mềm ứng dụng trong quản lý hoạt động chung của trường		
7.3 Bổ sung, nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT đảm bảo đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT đồng bộ trong hoạt động quản lý và giảng dạy.	2023-2026	BGH, phòng QLĐT TCHC TCKT Khoa CNTT	Các phòng khoa, trung tâm,	- Bổ sung, nâng cấp hệ thống máy tính tại các phòng học và phòng làm việc. - Nâng cấp hệ thống mạng nội bộ và tăng tốc độ đường truyền Internet phục vụ giảng dạy và làm việc - Thuê sever của đơn vị quản lý sever chuyên nghiệp, đảm bảo an toàn, an ninh mạng - Nâng cấp, chỉnh sửa trang thông tin điện tử chính thống của trường và các trang thông tin tuyển sinh	BCTK năm, Báo cáo của Phòng QLĐT, TCKT, các khoa , TT.	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác

8. Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế						
8.1. Hợp tác với các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước nhằm tiếp nhận chương trình và công nghệ đào tạo tiên tiến, cung ứng nguồn lao động có chất lượng	2024-2030	BGH, P.QLĐT	Các phòng khoa, trung tâm,	- Xây dựng các chương trình liên kết đào tạo hợp tác quốc tế với các trường cao đẳng, đại học có uy tín trên thế giới - Thành lập trung tâm Ngoại ngữ và hợp tác quốc tế của trường - Tiếp nhận 02-05 chương trình đào tạo cùng giáo trình tiên tiến của nước ngoài vào giảng dạy tại trường. - Tổ chức thí điểm chương trình đào tạo tăng cường ngôn ngữ tiếng Anh đối với mốt số lớp chất lượng cao tại trường - Mời giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy tại trường - Trao đổi sinh viên với các trường đối tác	Báo cáo tổng kết hàng năm Báo cáo của Phòng Quản lý đào tạo Biên bản ký kết hợp tác	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác
8.2. Tăng cường tổ chức và tham gia hội thảo quốc tế về giáo dục nghề nghiệp, tìm kiếm các dự án hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế	2023-2030	BGH, P.QLĐT	Các phòng khoa, trung, tâm,	-Tham gia, chủ trì kết hợp tổ chức hội thảo quốc tế. - Tìm kiếm và phát triển các dự án về đào tạo và chuyển giao công nghệ quốc tế được từ sự hỗ trợ từ	Báo cáo hàng năm của Phòng QLĐT, Phòng TCKT	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ

				Chính phủ Việt Nam và các nước nhằm tăng cường cơ sở vật chất, nhất là các phòng thực hành, thí nghiệm hiện đại phục vụ nghiên cứu ứng dụng.		khác
8.3. Đưa sinh viên và giảng viên tham gia học tập, thực tập tại các doanh nghiệp, tổ chức giáo dục nước ngoài nhằm phát triển đội ngũ, nâng cao được vị thế của nhà trường	2023 - 2030	BGH, phòng QLĐT, TCHC	Các phòng khoa, trung, tâm,	- Xây dựng quy chế, qui định về học tập tại doanh nghiệp, tổ chức giáo dục nước ngoài - Xây dựng chế độ khuyến khích CBGV có trình độ chuyên môn tốt và giỏi ngoại ngữ tham gia các chương trình đào tạo hợp tác, dự án hợp tác quốc tế, tìm nguồn học bổng tài trợ học ở nước ngoài - Khuyến khích, bắt buộc CBGV và sinh viên nâng cao trình độ sử dụng tiếng Anh.	Báo cáo Tổng kết năm; Qui chế, Qui định nội bộ.	Kinh phí thường xuyên, nguồn thu học phí, các hoạt động dịch vụ khác
8.4. Phát triển đào tạo tay nghề cho lao động đi làm việc tại nước ngoài, đào tạo tại chỗ cung ứng lao động cho thị trường nước ngoài.	2023-2030	BGH P.QLĐT	Các phòng khoa, trung tâm,	- Xây dựng chương trình đào tạo phù hợp đào tạo lao động xuất khẩu - Nghiên cứu tiêu chuẩn lao động trình độ cao đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc tế.	Báo cáo TK năm;	Kinh phí từ hoạt động đào tạo;

9. Chiến lược đảm bảo chất lượng						
9.1. Duy trì hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN theo các tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	2023-2024	BGH, PKT,ĐBCL&TT	Các phòng, Khoa, Trung tâm trong nhà trường	2024: Hoàn thành công tác đánh giá ngoài cơ sở GDNN của Bộ LĐ TB&XH	- Quyết định Công nhận đạt chuẩn kiểm định của Bộ LĐ TB&XH	Kinh phí xin từ nguồn ngân sách
9.2. Đăng ký kiểm định ngoài tối thiểu 02 CTĐT nghề trọng điểm cấp quốc gia theo các tiêu chuẩn kiểm tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	2024-2025	Ban GH, P.Đào tạo	Các phòng, Khoa, Trung tâm trong nhà trường	- Năm 2024: Hoàn thành công tác đánh giá ngoài 01 CTĐT nghề CNKT điện, điện tử trình độ CĐ của Bộ LĐ TB&XH - Năm 2025: Hoàn thành công tác đánh giá ngoài 01 CTĐT nghề trọng điểm của Bộ LĐ TB&XH	- Quyết định Công nhận 02 CTĐT đạt chuẩn kiểm định của Bộ LĐ TB&XH	Kinh phí xin từ nguồn ngân sách
9.3. Xây dựng vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường theo Thông tư 28/2017/BLĐTBXH	2023-2025	Ban GH, PKT,ĐBCL&TT	Các đơn vị trong toàn trường	- Năm 2023-2024: Xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Nhà trường. - Năm 2025: Thực hiện đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng - Duy trì và phát triển hệ thống theo yêu cầu của tiêu chuẩn	Sổ tay đảm bảo chất lượng	Kinh phí xin từ nguồn ngân sách

9.4. Xây dựng trường trở thành Trường cao đẳng chất lượng cao	2025-2030	BGH PKT, ĐBCL &TT PQLĐT	Các phòng/ khoa/TT	- Giai đoạn 2025-2028: Xây dựng các điều kiện để thực hiện đánh giá ngoài với cơ sở GDNN đạt tiêu chuẩn trường chất lượng cao - Giai đoạn 2029-2030: Hoàn thành công tác đánh giá ngoài trường CLC theo tiêu chuẩn của Bộ LĐ TB&XH	Quyết định công nhận Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định Trường chất lượng cao	Kinh phí xin từ nguồn ngân sách
9.5. Phấn đấu Trường xếp trong TOP 03 Trường đào tạo nghề uy tín, chất lượng cao của Thủ đô Hà Nội.	2025-2030	BGH	Các phòng, Khoa, Trung tâm	- Khắc phục các điểm còn tồn tại sau đánh giá; - Định hướng phát triển nhà trường theo các chuẩn xếp hạng trường chất lượng cao của Bộ LĐ TB&XH	Quyết định công nhận đạt chuẩn Công bố xếp hạng các trường dạy nghề	Kinh phí xin từ nguồn ngân sách

PHẦN III: KINH PHÍ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư/Số dự án	Tổng mức đầu tư	Dự toán năm 2025	Giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
				Dự toán kế hoạch 5 năm 2026-2030						
				Tổng số vốn	Trong đó:					
					Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
	Tổng mức đầu tư (A+B)	**376.224**	**72.724**	**303.500**	**135.000**	**79.500**	**55.000**	**34.000**		
A	***Các dự án đầu tư nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn quốc tế***	***210.500***	***2.000***	***208.500***	***65.000***	***69.500***	***45.000***	***29.000***		
2	Nghề Công nghệ thông tin cấp độ quốc tế	30.000	500	29.500	15.000	14.500				
1	Nghề Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử cấp độ quốc tế	55.000		55.000	10.000	15.000	15.000	15.000		
3	Nghề trọng điểm: Điện tử công nghiệp cấp độ quốc tế	40.000	500	39.500	10.000	10.000	10.000	9.500		
4	Nghề trọng điểm: Tự động hóa công nghiệp cấp độ quốc tế	45.000	500	44.500	15.000	15.000	10.000	4.500		
5	Nghề trọng điểm: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	40.500	500	40.000	15.000	15.000	10.000			
B	***Dự án Sửa chữa, nâng cấp***	***140.724***	***45.724***	***95.000***	***70.000***	***10.000***	***10.000***	***5.000***		
1	Dự án Xây dựng nhà học đa năng và xưởng thực hành và Cải tạo sửa chữa trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	45.724	45.724	-						

2	Dự án sửa chữa, nâng cấp Ký túc xá trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	15.000		15.000			10.000	5.000		
3	Dự án cải tạo, sửa chữa khu nhà A trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	70.000		70.000	70.000					
4	Dự án cải tạo, sửa chữa khu nhà G (khu 179m^2) lên 5 tầng	10.000		10.000		10.000				
C	***Dự án Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và dạy học tại Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội***	***25.000***	***25.000***							

PHẦN IV: GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ RỦI RO

Chiến lược phát triển Nhà trường xây dựng giai đoạn 2023 - 2030, trong quá trình thực hiện dự án có thể có những biến động rủi ro khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện chiến lược phát triển Trường. Những biến động đó do nhiều nguyên nhân, có thể là do cơ chế, chính sách Nhà nước thay đổi không thuận lợi cho phát triển giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường không được Nhà nước đầu tư hỗ trợ theo các quyết định được phê duyệt. Do chính sách mở cửa, thời kỳ hội nhập WTO nên các nhà đầu tư nước ngoài mở các trường dạy nghề tại khu vực với quy mô lớn, phương pháp giảng dạy tiên tiến và công nghệ hiện đại. Các yếu tố đó tạo cho Nhà trường không đủ sức cạnh tranh.

Trong bối cảnh trên Chiến lược phát triển trường có thể triển khai thực hiện đến giai đoạn củng cố 2023 - 2025 và phải điều chỉnh kế hoạch chiến lược giai đoạn 2025 - 2030, có thể kéo dài hoặc chọn một giải pháp khác cho phù hợp để trường phát triển.

PHẦN V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội giai đoạn 2023 – 2030 trở thành trường chất lượng cao là những mục tiêu tổng quát, những nội dung giải pháp cơ bản, khái quát có ý nghĩa định hướng phát triển Trường trong thời gian dài. Tổ chức thực hiện và đánh giá quá trình thực hiện chiến lược có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, sứ mệnh của nhà trường. Để kế hoạch chiến lược thành hiện thực, Lãnh đạo nhà trường cần chỉ đạo thực hiện tốt các công việc sau:

5.1. Đối với Ban chấp hành Đảng bộ, Hội đồng trường và Ban Giám hiệu

Đối với ban chấp hành Đảng bộ: Định hướng chủ trương, đường lối và lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Chiến lược phát triển trường cho từng thời kỳ, từng giai đoạn phát triển một cách đúng đắn và hiệu quả.

Đối với Hội đồng trường: Hoạch định chiến lược phát triển, tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện, kịp thời phát hiện, điều chỉnh bổ sung những quy định, quy chế cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Đối với Ban Giám hiệu:

- Báo cáo cơ quan chủ quản Chiến lược phát triển Nhà trường theo quy định. Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch, lộ trình cụ thể cho từng năm hoặc từng giai đoan để thực hiện các nội dung cho các đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ. Báo cáo Hội đồng trường và cơ quan chủ quản phê duyệt điều chỉnh Chiến lược khi cần thiết.

- Phát huy cao nhất tính tự chủ, sáng tạo, nội lực của Nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ. Xác định rõ các nội dung trong Chiến lược Nhà trường có thể và chủ động thực hiện được trong phạm vi, khả năng của trường; nội dung nào cần sự hỗ trợ từ cấp trên.

- Hàng năm xây dựng dự trù kinh phí thực hiện các nội dung của Chiến lược đề nghị cơ quan cấp trên thẩm định xem xét quyết định; ngoài nguồn ngân sách của Bộ LĐ-TB&XH cấp, cần tích cực khai thác các nguồn kinh phí hợp pháp khác cho việc thực hiện Chiến lược.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ của Chiến lược. Định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện các nội

dung của Chiến lược, kịp thời điều chỉnh nội dung, mục tiêu, giải pháp thực hiện phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Nhà trường.

5.2. Đối với các đơn vị Phòng, Khoa và Trung tâm trực thuộc Trường

Tham mưu và thực hiện tốt kế hoạch thực hiện chiến lược. Tuân thủ hoàn toàn sự lãnh đạo của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu trong việc thực hiện các mục tiêu, nội dung của Chiến lược.

Trên cơ sở kế hoạch, lộ trình chung toàn trường thực hiện các mục tiêu Chiến lược, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, các phòng, khoa, trung tâm chủ động xây dựng kế hoạch hành động cụ thể và triển khai thực hiện đạt kết quả.

5.3. Đối với Công đoàn và Đoàn thanh niên nhà trường

Phối hợp với các đơn vị phòng, khoa, trung tâm làm công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức cho mọi thành viên của tổ chức mình hiểu, ủng hộ và thực hiện những nội dung có liên quan trong chiến lược nhà trường bằng những hình thức cụ thể, phù hợp. Đồng thời, tham mưu, góp ý cho Hội đồng trường và Ban giám hiệu để điều chỉnh, bổ sung những nội dung, giải pháp phù hợp nhằm thực hiện thành công kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường.

Hàng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện các nội dung liên quan trong vấn đề thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường.

KẾT LUẬN

Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội giai đoạn 2023 – 2030 trở thành trường chất lượng cao, đã thực hiện đánh giá thực trạng của nhà trường, mục tiêu của chiến lược và đưa ra những giải pháp để thực hiện mục tiêu chiến lược. Các giải pháp trên có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng, chi phối và tác động qua lại lẫn nhau, hỗ trợ thúc đẩy nhau. Chúng vừa là nguyên nhân, vừa là kết quả của nhau. Do đó, các giải pháp trên cần được tiến hành đồng bộ. Tuy nhiên, tuỳ theo điều kiện hoàn cảnh thực tế của nhà trường thấy cần thiết có thể chú trọng quan tâm cho một giải pháp nào đó trội hơn. Với những nhiệm vụ hết sức to lớn và nặng nề, tập thể cán bộ, nhà giáo, nhân viên nhà trường cần phải quyết tâm đoàn kết cùng nhau, năng động, sáng tạo; tận dụng thời cơ, phát huy những điểm mạnh, khắc phục những mặt còn hạn chế, vượt qua thách thức để thực hiện thắng lợi chiến lược đã đề ra./.